

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Ngày 12 tháng 04 năm 2014

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2**

**Mã chứng khoán: C32**

**Trụ sở chính:** 45A Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại :** 0650.3759446 **Fax :** 0650.3755605

**Người thực hiện công bố thông tin:** Lữ Minh Quân – Thư ký công ty

**Địa chỉ:** Ấp Chánh Long, xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**Điện thoại:** 0913777057 - 0650.3759446 **Fax :** 0650.3755605

**Loại thông tin công bố:**

24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 công bố thông tin định kỳ về Báo cáo thường niên năm 2013.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12 tháng 04 năm 2014 tại đường dẫn <http://www.cic32.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**Tài liệu đính kèm:**

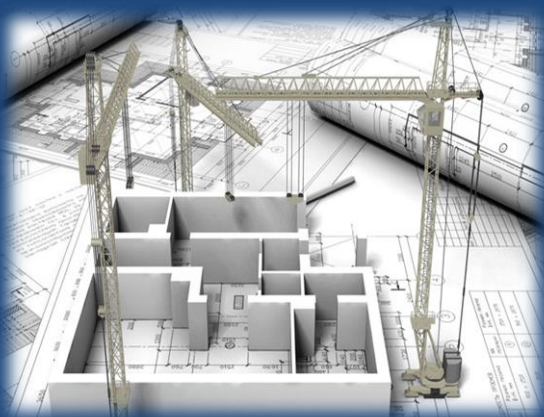
Báo cáo thường niên năm 2013.  
(Chi tiết đính kèm).

  
Lữ Minh Quân



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3 - 2



# THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**  
Giấy chứng nhận  
ĐKDN : 3700146225  
Vốn điều lệ : 112.000.000.000 đồng  
Địa chỉ : 45A Nguyễn Văn Tiết - Lái Thiêu - Thuận An - Bình  
Dương  
Số điện thoại : 0650.3759446  
Số fax : 0650.3755605  
Website : [cic32.com.vn](http://cic32.com.vn)  
Mã cổ phiếu : C32

# MỤC LỤC

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 06 Quá trình hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Tổ chức và bộ máy quản lý
- 13 Định hướng phát triển
- 15 Rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 24 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 25 Tình hình tài chính
- 27 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

## BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 30 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- 33 Tình hình tài chính
- 34 Kế hoạch kinh doanh năm 2014
- 35 Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán

## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 37 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty
- 39 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
- 39 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 42 Hội đồng quản trị
- 49 Ban Kiểm soát
- 50 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

- 53 Ý kiến của kiểm toán
- 54 Báo cáo tài chính



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Kính gửi: Quý Cổ đông

Bức tranh kinh tế cả nước năm 2013 bên cạnh những chuyển biến tích cực của lạm phát và lãi suất giảm thì vẫn còn nhiều khó khăn như tăng trưởng kinh tế thấp, nợ xấu ngân hàng vẫn chưa được giải quyết triệt để, số lượng doanh nghiệp giải thể và ngưng hoạt động trong năm lên đến 61.000, cho thấy những khó khăn của nền kinh tế tiếp tục gây áp lực lớn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2013, tuy bối cảnh kinh tế còn khó khăn nhưng Công ty đã hoàn thành tốt các mục tiêu kinh doanh đề ra: Doanh thu đạt 427,5 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 66,6 tỷ đồng, lần lượt tăng 28% và 55% so với cùng kỳ năm 2012. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo chỉ tiêu về nộp ngân sách nhà nước là 52,9 tỷ đồng, thu nhập của người lao động được nâng cao. Ngoài ra, uy tín và thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định, giá trị doanh nghiệp được nâng cao và mang lại giá trị gia tăng cao cho các cổ đông sau hơn một năm niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM. Đó là thành quả của những nỗ lực không mệt mỏi của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể nhân viên Công ty.

Bước sang năm 2014, định hướng kinh doanh của Công ty tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn là thi công các công trình giao thông – dân dụng, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng, cấu kiện bê tông, đồng thời chú trọng các hoạt động đầu tư, tăng cường công tác tiếp thị để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra.

Kính thưa Quý cổ đông! Năm 2013 khép lại, đánh dấu chặng đường 20 năm hình thành và phát triển của Công ty, chúng ta cơ bản hài lòng với các thành quả đạt được, nhưng vẫn còn nhiều thách thức từ môi trường kinh doanh và những khó khăn riêng của doanh nghiệp yêu cầu chúng ta phải đổi mới bằng sự sáng tạo và cải tiến không ngừng để phát triển các hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng bền vững.

Cuối cùng, tôi thay mặt Công ty trân trọng cảm ơn sự ủng hộ và gắn bó của Quý Cổ đông trong thời gian qua.

CHỦ TỊCH  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
3-2  
THUẬN AN-T. BÌNH DƯƠNG  
*Võ Văn Lãnh*

## TÂM NHÌN

CIC32 nỗ lực trở thành Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

## SỨ MỆNH

CIC32 cam kết mang lại cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao với chi phí hợp lý, phục vụ tốt cộng đồng và xã hội.





### **GIỚI THIỆU CÔNG TY**

- 06 Quá trình hình thành và phát triển
- 09 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 11 Tổ chức và bộ máy quản lý
- 13 Định hướng phát triển
- 15 Rủi ro

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### GIẢI ĐOẠN SƠ KHAI



**08/01/1993**

Công ty được thành lập với tên gọi công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé (SB.P.Corp)

**28/02/1997**

Công ty đã đổi tên thành công ty Đầu tư Xây dựng 3/2

### GIẢI ĐOẠN ĐẠI CHỨNG HÓA



**11/12/2008**

Công ty chính thức chuyển sang loại hình công ty Cổ phần, tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (CIC3-2)

**13/10/2010**

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (Mã cổ phiếu là C32), bắt đầu giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### GIẢI ĐOẠN PHÁT TRIỂN



**30/11/2012**

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (Mã cổ phiếu là C32), bắt đầu giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



**08/01/2013**

Kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2





## Các sự kiện khác

Từ những ngày đầu mới thành lập, xây dựng là lĩnh vực kinh doanh duy nhất của công ty. Theo nhu cầu phát triển của xã hội công ty đã từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh như :

- + Năm 1994 Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác khoáng sản đá và kinh doanh đá xây dựng, năm 2001 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản. Lĩnh vực gia công sản phẩm cơ khí xây dựng, cống bê tông ly tâm, cầu kiện bê tông đúc sẵn cũng được bổ sung.
- + Năm 2009 theo nhu cầu phát triển của thị trường và tận dụng những thế mạnh mà công ty đang có, Công ty đã thành lập được Sàn giao dịch bất động sản để phục vụ cho việc giao dịch bất động sản của công ty với khách hàng, môi giới, xác nhận việc giao dịch của các đối tác và các khách hàng bên ngoài. Thành lập xưởng sản xuất gạch không nung nhằm tận dụng những vật liệu công ty sẵn có như (đá mi bụi) và sản xuất phục vụ một phần các công trình nội bộ công ty đang thi công. Cũng trong năm 2009 công ty thành lập được trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng.
- + Năm 2011, Công ty đưa xưởng sản xuất bê tông thứ 2 tại xã Long Nguyên - Bến Cát đi vào hoạt động.



# NHỮNG GIẢI THƯỞNG, CHỨNG NHẬN CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Thoát nước, xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, đất sét (Chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền). Chế biến đá;
- Sản xuất gạch, ngói (theo Quyết định số 15/2000/QĐ-BXD ngày 24 tháng 7 năm 2000 của Bộ Xây dựng);
- Hoạt động kho bãi;
- Đầu tư kinh doanh cầu đường giao thông, cầu phà đường thủy, đường bộ;



## ĐỊA BÀN KINH DOANH



**Trụ sở chính của Công ty được đặt**

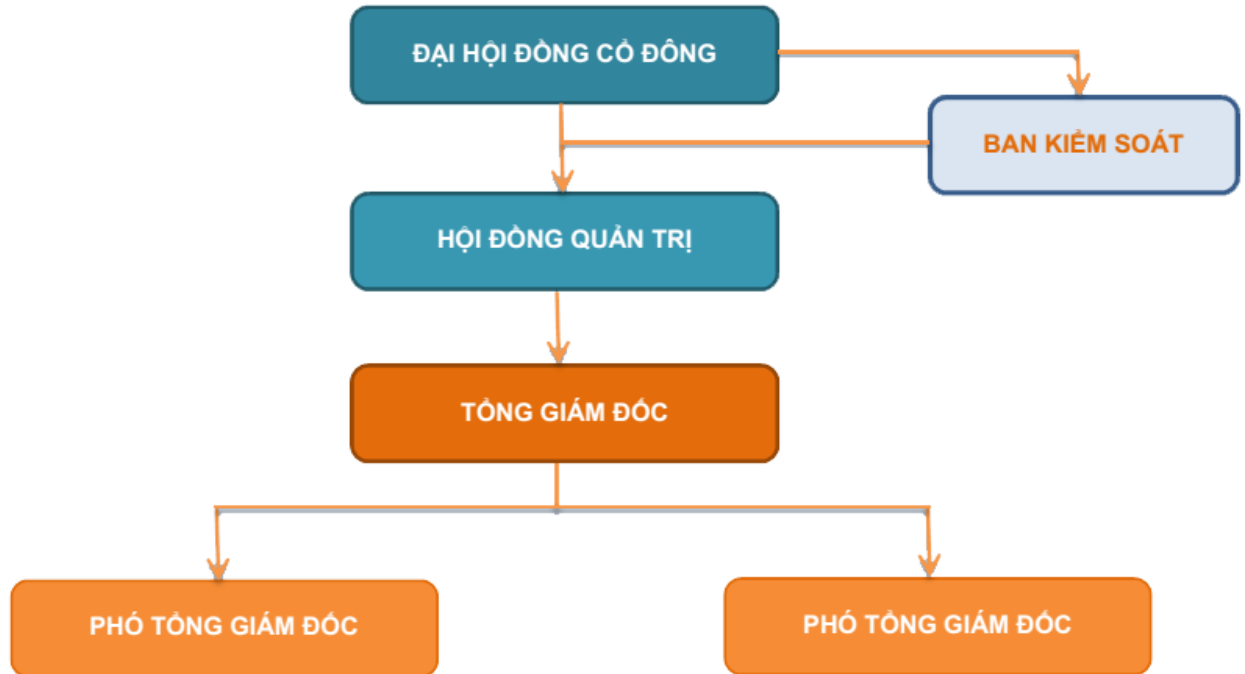
**tại :** 45A Nguyễn Văn Tiết - Lái Thiêu -  
Thuận An - Bình Dương.

Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là  
tỉnh Bình Dương.



## TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

### MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty.
- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng điều hành hoạt động của Công ty.
- Các phòng chức năng Kinh doanh, Tài chính, Nhân sự, Đầu tư thực hiện tham mưu và quản lý chuyên môn.
- Các xí nghiệp sản xuất Đá xây dựng, Cơ khí và Bê tông, Xây lắp và Sàn giao dịch Bất Động Sản thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo lĩnh vực.

**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** Không có

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- ❖ Tiếp tục tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển thêm một số sản phẩm cùng ngành nghề.
- ❖ Củng cố xây dựng và phát triển thị trường hiệu quả, trong đó vẫn tập trung vào nhóm công trình vốn công.
- ❖ Đầu tư phát triển nguồn mở mới, đầu tư máy móc thiết bị, tối ưu hóa năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu phát triển dài hạn của thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ❖ Củng cố và nâng cao năng lực quản lý sản xuất, tăng cường phát triển nguồn nhân lực nhằm tối ưu hóa hệ thống quản lý của Công ty.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

#### Chiến lược kinh doanh

- Dựa trên nền tảng, thế mạnh vốn có của doanh nghiệp. Đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời theo nhu cầu của thị trường. Công ty sẽ cố gắng duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định bền vững qua các năm.
- Tăng cường đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực kinh doanh, phát triển và mở rộng liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển công ty thành doanh nghiệp mạnh trong sản xuất kinh doanh VLXD và thi công xây lắp.
- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chính sách chất lượng dịch vụ nhằm thu hút và giữ chân khách hàng.
- Nghiên cứu, giải pháp kỹ thuật và giảm các chi phí quản lý không cần thiết, tinh gọn bộ máy, tiết kiệm nguyên liệu hao hụt, tỷ lệ sản phẩm hư hỏng nhằm đưa ra mức giá hợp lý cho sản phẩm nhằm thoả mãn nhu cầu khách hàng.
- Thực hiện tốt chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng, thu thập thông tin và lắng nghe ý kiến đóng góp của khách hàng. Chính sách chiết khấu giảm giá theo doanh thu đối với từng đối tượng khách hàng nhằm củng cố khách hàng lâu năm, truyền thống, khách hàng tiêu thụ sản phẩm số lượng lớn.
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, cũng như có những chính sách đào tạo hiệu quả và thu hút nhân tài phù hợp. Thực hiện chuyên nghiệp hoá trong khâu tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực nhằm tạo sức cạnh tranh, ổn định về nguồn lực nhằm ổn định sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện chỉ thị của Chính phủ trong việc thoái vốn Nhà nước do Công ty là doanh nghiệp cổ phần hoá không thuộc diện Nhà nước cần giữ cổ phần chi phối.

## Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

### Công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội và từ thiện:

Trong năm 2013, Công ty đã tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường. Lãnh đạo Công ty đã vận động nhân viên ủng hộ 1 ngày lương cho Quỹ vì người nghèo, 1 ngày lương ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt Miền Trung.

*Kết quả tổng cộng trong năm Công ty ủng hộ trên 1 tỷ đồng cho các tổ chức xã hội, từ thiện, nhân đạo.*

### Trao học bổng cho sinh viên, học sinh vượt khó hiếu học:

Công ty đã tham gia cùng Quỹ bảo trợ trẻ em Tỉnh Bình Dương và các đơn vị hảo tâm gây quỹ ủng hộ cho trẻ em vượt khó học giỏi, trao học bổng cho các học sinh nghèo, hiếu học Thị xã Thuận An. Cuối năm ủng hộ cho các tổ chức nhân đạo chăm lo tốt cho trẻ em, người già, người tàn tật như ủng hộ Trung tâm nhân đạo Quê Hương, Trung tâm Bảo trợ người già neo đơn Tỉnh, Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa, Trung tâm dạy nghề người tàn tật tỉnh Bình Dương, Hội nạn nhân chất độc da cam. Hội Người mù tỉnh, Hội Người mù Bến Cát,...





### Rủi ro về kinh tế

- Với xu thế toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp hiện nay chịu sự tác động trực tiếp từ sự tăng trưởng của nền kinh tế trong nước và quốc tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động đến việc tiêu thụ sản phẩm và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu nhà ở nhất là nhà ở cao cấp, thuê văn phòng, cao ốc sẽ gia tăng,... và ngược lại khi nền kinh tế trì trệ nhu cầu sẽ này sẽ chậm lại. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.
- Việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có tác động mạnh mẽ đến kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.
- Mặc dù đã đạt được mức tăng trưởng khá cao nhưng những bất ổn kinh tế vĩ mô vẫn đe dọa khả năng tăng trưởng bền vững của Việt Nam. Lạm phát cao là yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ hiện nay.
- Để đối phó với lạm phát cao, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa được thắt chặt. Các chính sách này có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng GDP và ảnh hưởng đến cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp trong các năm sắp tới.
- Chính sách hạn chế đầu tư công của Chính phủ làm cho thị trường giảm bị thu hẹp, hàng tồn kho tăng cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các lĩnh vực xây dựng, vật liệu xây dựng, bất động sản.

### Rủi ro về luật pháp

- Rủi ro pháp lý liên quan đến việc thay đổi các chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng nói chung và của Công ty nói riêng. Việc thay đổi chính sách, quy định mới của Nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động của ngành xây dựng và vật liệu xây dựng có thể ảnh hưởng tới Công ty.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi Luật Xây dựng, Luật bất động sản,... Các Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên chắc chắn sẽ có những thay đổi trong thời gian tới. Việc thay đổi này có thể sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Những nội dung thay đổi, điều chỉnh hay bổ sung liên quan đến các Luật này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
- Để giảm thiểu rủi ro do thay đổi chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh, Công ty đã và đang nghiên cứu kết hợp với việc thuê các chuyên gia pháp lý, luật sư có kinh nghiệm để hỗ trợ Công ty trong vấn đề pháp lý.



## Rủi ro đặc thù

### Rủi ro lãi suất

- Là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
- Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.
- Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Rủi ro biến động tỷ giá

- Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.
- Công ty không có rủi ro biến động tỷ giá do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

### Rủi ro giá cả các yếu tố đầu vào

- Nguyên vật liệu xây dựng là một yếu tố quan trọng trong cơ cấu chi phí sản xuất, do vậy những biến động về giá nguyên vật liệu là một rủi ro đáng quan tâm của Công ty.
- Giá nhân công, nguyên vật liệu xây dựng trong nước liên tục biến động trong thời gian qua đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác dự toán chi phí sản xuất, làm tăng giá vốn sản phẩm, làm giảm khả năng cạnh tranh và giảm lợi nhuận của Công ty. Với sự linh hoạt cũng như kinh nghiệm của Ban điều hành, Công ty đã hạn chế được rủi ro này và có những biện pháp đối phó thích hợp như: chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, sử dụng nguyên nhiên liệu và lưu kho hợp lý. Tăng cường công tác tìm kiếm các nguồn cung ứng nguyên vật liệu và hàng hóa dự phòng. Mở rộng, tìm kiếm các nguồn cung ứng thay thế để đảm bảo đầu vào ổn định về chủng loại, số lượng và giá cả,... nhằm giảm tối đa rủi ro có thể xảy ra từ áp lực tăng giá của nhà cung ứng, đảm bảo sự bình ổn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng

### Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn như hiện nay thì sự cạnh tranh về thị phần, thị trường sẽ diễn ra gay gắt do nhiều đối thủ tăng cường tiếp thị, tiếp cận thị trường ở nhiều phân khúc khác nhau, dẫn đến thị trường, thị phần sẽ ngày càng thu hẹp. Tuy nhiên Công ty có vị thế cạnh tranh tốt tại thị trường Bình Dương và các tỉnh lân cận, thế mạnh của công ty là cung cấp sản phẩm đá xây dựng, công bê tông ly tâm và nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Sau hơn 19 năm hoạt động, công ty đã trưởng thành và đạt được những thành tích đáng lưu ý như: Giải bạc giải thưởng chất lượng quốc gia, giải thưởng cúp vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO, giấy chứng nhận nhãn hiệu cạnh tranh CIC,... Do đó, Công ty hoàn toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh trước các đối thủ trong và ngoài tỉnh. Cụ thể

1.



- **Về khai thác chế biến đá:** tất cả các công đoạn sản xuất đều được cơ giới hóa, vừa giúp Công ty gia tăng được sản lượng, vừa đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm, về chủng loại đá thì đa dạng gồm: đá 1x1, đá 1x2, đá 4x6, đá 0x4, đá mi,... chuyên cung cấp cho các doanh nghiệp lớn, nhỏ trên địa bàn trong và ngoài tỉnh như: Công ty TNHH Nguyễn Đạt giao xa lộ Hà Nội, Công ty CP Xây dựng số 5 thi công công trình Thoát nước thải Bình Dương, Công ty CP Đức Thi giao tại công trình Đường Vành Đai sân bay Tân Sơn Nhất,... Công ty đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu khách hàng, tạo ra lợi thế cho doanh nghiệp trước các đối thủ cạnh tranh.
- **Về sản xuất cống bê tông:** việc đưa thêm xưởng sản xuất cống bê tông tại xã Long Nguyên vào hoạt động trong tháng 5 năm 2011, với công suất trên 30.000 cống/năm đã nâng cao sản lượng cung ứng khách hàng, cũng như góp phần làm giảm đáng kể chi phí vận chuyển, tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá so với các đối thủ cùng ngành như: Công ty Cổ phần Xây dựng Khánh Bình, Công ty TNHH Xây dựng Vĩnh Phát, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.
- **Về lĩnh vực xây lắp:** với trang thiết bị được cung cấp đầy đủ, đội ngũ thầu phụ có kinh nghiệm, có năng lực thi công,... Công ty đã thi công nhiều công trình trọng điểm có quy mô lớn như: Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi, Trường THCS Võ Trường Toản, Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, Nhà Hội Quán Cao Su Dầu Tiếng, Đường ĐT744 gói 3&4, Đường Silicat, Đường Bình Trị - Tân Thẳng, Đường Bình Chuẩn - An Phú,... Bên cạnh đó Công ty cũng thường xuyên nghiên cứu biến động giá cả thị trường để tham gia dự thầu với mức giá hợp lý, liên doanh liên kết với các đơn vị có năng lực,... góp phần nâng cao sức cạnh tranh đấu thầu các công trình đòi hỏi kỹ thuật cao, quy mô lớn. Đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh với các đối thủ như: Công ty TNHH Xây dựng và Cầu đường Đại Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ, Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn và Đầu tư Bình Dương,...

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



### **Rủi ro thanh khoản**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

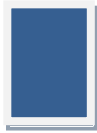
### **Rủi ro khác**

- Ngoài các rủi ro nêu trên, Công ty còn có thể chịu những rủi ro hoạt động xuất phát từ những biến cố xảy ra từ chính bản thân Công ty trong quá trình điều hành hoạt động như: Sai sót trong việc áp dụng quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin bị lỗi, tác động của con người,.... Để phòng ngừa các loại rủi ro này Công ty đã triển khai các biện pháp quản lý rủi ro hàng ngày từ các Phòng, Ban, cá nhân, chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ và các quy trình quản lý.
- Ngoài ra, còn có một số các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn trên đường vận chuyển hàng hóa, nguyên liệu,... ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Mặc dù các rủi ro này ít xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể sẽ gây ra những thiệt hại nhất định và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty.



## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

- 20 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 24 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 25 Tình hình tài chính
- 27 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Thực hiện 2013	Kế hoạch	So với năm 2012 (%)	So kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	333.154.184.768	427.534.725.481	406.662.000.000	28,33%	5,13%
Lợi nhuận trước thuế	57.073.929.303	89.146.541.832	65.826.000.000	56,19%	35,43%
Cổ tức (%)	24%	24%	24%		

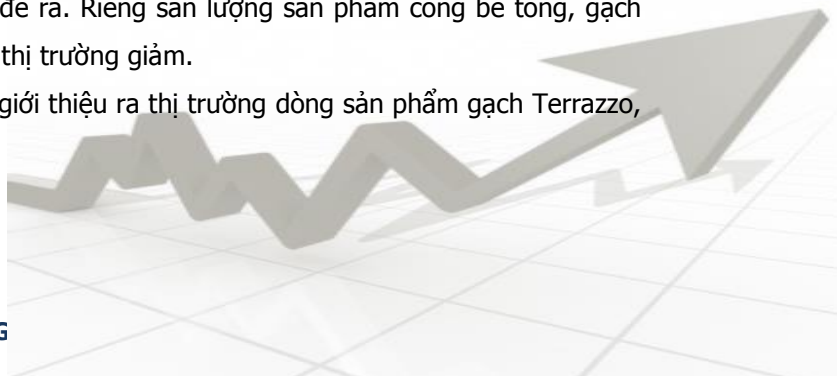
Đơn vị: đồng

Trong bối cảnh nền kinh tế năm 2013 còn nhiều khó khăn, ngành xây dựng và vật liệu xây dựng vẫn còn trì trệ, tuy nhiên Công ty vẫn đạt được kết quả khá tốt trong hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt xấp xỉ 427.535 triệu đồng, đạt 105% kế hoạch và tăng 28,33% so với năm 2012 (doanh thu cùng kỳ là 333.154 triệu đồng). Đóng góp phần lớn vào doanh thu của công ty là các mảng: Sản xuất và kinh doanh đá, xây lắp, sản xuất và kinh doanh Cốt Bê tông ly tâm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt trên 89 tỷ đồng, tăng 56,19% so với năm 2012 (57 tỷ đồng) và vượt kế hoạch đã đề ra là 35,43% (65,8 tỷ đồng).
- Mức cổ tức chi trả cho cổ đông là 24% theo đúng kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

#### Nhận xét:

- Hoạt động sản xuất của Công ty trong năm 2013 nhìn chung được duy trì ổn định, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Xí nghiệp được vận hành tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Sản lượng sản xuất các sản phẩm đá xây dựng, xây lắp, kinh doanh vật liệu xây dựng, nhiên liệu đều đạt kế hoạch đề ra. Riêng sản lượng sản phẩm cốt bê tông, gạch tự chèn đạt thấp do trong năm nhu cầu thị trường giảm.
- Điểm mới trong năm qua là Công ty đã giới thiệu ra thị trường dòng sản phẩm gạch Terrazzo, đạt TCVN 774:2007.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

1



#### **Ông Võ Văn Lãnh - Tổng Giám đốc điều hành**

Sinh năm : 1963  
Dân tộc : Kinh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Số CMND : 280132872  
Địa chỉ : 49 Nguyễn Văn Tiết, Phường Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Bình Dương.  
Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 112.200 CP Chiếm tỷ lệ : 1,002%



2

#### **Ông Nguyễn Thanh Xuân - Phó Tổng Giám đốc**

Sinh năm : 1960  
Dân tộc : Kinh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Số CMND : 280904683  
Địa chỉ : 15/03 KP Thạnh Hòa B, Phường An Thạnh, Thuận An, Bình Dương.  
Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 2.600 CP Chiếm tỷ lệ : 0,023%



3

#### **Ông Trần Văn Bình - Kế toán trưởng**

Sinh năm : 1965  
Dân tộc : Kinh  
Quốc tịch : Việt Nam  
Số CMND : 280956316  
Địa chỉ : 12/5 KP Tân Phước, Phường Tân Bình, Dĩ An, Bình Dương..  
Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 2.500 CP Chiếm tỷ lệ : 0,022%

#### **Những thay đổi trong ban điều hành:**

Trong năm Công ty không có sự thay đổi nào trong Ban Điều Hành

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Thống kê nhân sự Công ty năm 2013 (Tính đến ngày 31/12/2013)

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Theo trình độ</b>			
1	Đại học	77	20%
2	Cao đẳng	24	6%
3	Trung cấp	40	11%
5	Phổ Thông ( kể cả lao động thời vụ)	235	63 %
<b>Tổng Cộng</b>		<b>376</b>	<b>100%</b>
<b>Theo Giới tính</b>			
1	Nam	349	93%
2	Nữ	27	7%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>376</b>	<b>100%</b>
<b>Theo tính chất hợp đồng</b>			
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	239	64%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	132	35%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	5	1%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>376</b>	<b>100%</b>

## CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người):

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	6.658.000	7.509.000

### Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

- Công ty trả lương, thưởng theo năng lực làm việc và kết quả lao động của cán bộ nhân viên. Tiếp tục duy trì khoản lương cho bộ phận gián tiếp các đơn vị và xây dựng quy chế khoán lương cho khối phòng nhằm tạo động lực cho người lao động, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.
- Thu nhập bình quân của người lao động đều tăng qua các năm, thu nhập bình quân nhân viên hàng năm tăng đạt mức 15%. Khi có biến động giá cả đẩy trượt giá lên cao làm ảnh hưởng đến đời sống nhân viên Công ty kịp thời điều chỉnh tăng lương để hỗ trợ.
- Trong quá trình làm việc, cán bộ nhân viên được tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Công tác chăm lo đời sống nhân viên như thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự, góp phần động viên tinh thần cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo các chế độ phúc lợi như: khám sức khỏe định kỳ, bữa ăn giữa ca, chế độ nghỉ mát hàng năm, có chế độ thăm hỏi khi nhân viên và gia đình có hữu sự, mua bảo hiểm con người cho nhân viên,...



## Chế độ làm việc

- Công ty luôn đảm bảo được việc làm thường xuyên cho nhân viên, các trường hợp chờ việc do ít đơn hàng được điều động bố trí việc khác kịp thời.
- Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động. Thời gian nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động. Công ty luôn tạo môi trường làm việc thân thiện và chuyên nghiệp, khuyến khích nhân viên phát huy hết khả năng làm việc sáng tạo, phát triển nghề nghiệp và thăng tiến trong công việc.

## Chính sách đào tạo

- Công tác đào tạo được Công ty rất quan tâm để nâng cao khả năng làm việc của người lao động và làm tăng giá trị nguồn nhân lực của Công ty. Chi phí đào tạo bình quân năm giai đoạn 2008 – 2013 là 112 triệu đồng/năm.
- Công ty chú trọng tập trung vào các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm trang bị các kỹ năng nghiệp vụ cụ thể để nhân viên ứng dụng ngay vào công việc. Các khóa đào tạo của Trung tâm hợp tác nguồn nhân lực Việt Nam – Nhật Bản được Công ty cử nhiều lượt người tham dự vì trang bị nhiều kiến và kỹ năng thực tế giúp nhân viên áp dụng trong công việc và cuộc sống.
- Ngành nghề khai thác mỏ và hoạt động xây dựng của Công ty có độ rủi ro an toàn cao, Công ty duy trì thường xuyên các khóa huấn luyện an toàn định kỳ hàng năm cho công nhân sản xuất để bảo vệ người lao động tránh những nguy cơ mất an toàn.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Những khoản đầu tư trong năm:

- ✚ Trong năm đầu tư thêm một máy ép gạch terazzo để đáp ứng về công suất phục vụ cho nhu cầu thị trường với giá trị 238.000.000đ Năng lực sản xuất 700-800viên/ca
- ✚ Nâng cấp máy nghiền sàng đá số 1 công suất từ 100T/g lên 150T/g giá trị : 1.247.950.000đ
- ✚ Do nhu cầu phục vụ đi lại ở công trình nên đầu tư thêm xe du lịch với giá trị : 750.000.000đ
- ✚ Đầu tư thêm các khuôn cống d400,500,600
- ✚ Nhu cầu vận chuyển cống ngày càng cao cho các khách hàng trong tỉnh cũng như ngoài tỉnh và để kịp thời không bị động trong việc cung cấp cống cho khách hàng Công ty đã đầu tư thêm 1 xe cẩu chuyên dụng 35T với giá trị : 1.450.000.000đ, và 02 xe tải đầu kéo với tổng giá trị đầu tư 3.650.000.000đ, và để chủ động trong việc cung cấp vật tư , cầu sắt thép Công ty đầu tư 01 ô tô tải cầu : 540.000.000đ cho trung tâm 279



### Nhận xét:

- Nhìn chung công tác đầu tư còn hạn chế, chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực sản xuất như xe máy, thiết bị vận chuyển...
- Trong năm, Công ty tập trung tháo gỡ các vướng mắc, thủ tục trong việc gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Tân Đông Hiệp. Qua đó, Công ty được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương khai thác và từng bước thực hiện các báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, báo cáo đánh giá tác động môi trường để tiến tới việc gia hạn giấy phép khai thác đến năm 2015 và độ sâu khai thác là -100m.

**ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** Không có



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% Tăng/giảm
Tổng tài sản	292.602.988.902	330.118.227.716	12,8%
Doanh thu thuần	333.154.184.768	427.534.725.481	28,33%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	56.744.913.590	95.165.501.943	67,7%
Lợi nhuận khác	329.015.713	-6.018.960.111	-1929,4%
Lợi nhuận trước thuế	57.073.929.303	89.146.541.832	56,2%
Lợi nhuận sau thuế	43.094.817.557	66.617.821.949	54,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	62,4%	40,3%	

Đơn vị tính: đồng

#### Tổng tài sản:

Kết thúc năm 2013, Tổng tài sản công ty tăng từ 292 tỷ đồng lên hơn 330 tỷ đồng tương ứng với mức tăng là 12,8%. Tài sản công ty tăng chủ yếu là từ khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (chiếm tỷ trọng 10,54%/Tổng tài sản), từ 100 triệu đồng năm 2012 lên 34 tỷ đồng năm 2013. Khoản đầu tư tài chính này được tài trợ từ nguồn Vốn chủ sở hữu.

#### Doanh thu:

Trong năm 2013, Công ty đã đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm đá, hàng hóa cũng như việc ký khối lượng thanh toán với chủ đầu tư, đồng thời năm 2013 công ty cũng trúng thầu và thi công nhiều công trình hơn năm 2012 nên doanh thu năm 2013 đã tăng 28,33% tương ứng 94,4 tỷ đồng so với năm trước. Doanh thu lĩnh vực khai thác chế biến đá tăng 16,7% so với năm 2012. Do năm 2013 Công ty đã đưa 1hecta sạt lở vào khai thác bên cạnh diện tích cũ nên sản lượng khai thác, tiêu thụ của lĩnh vực khai thác chế biến đá đều vượt hơn so với cùng kỳ năm trước giúp lãi gộp tăng thêm 21,2 tỷ đồng. Đồng thời lĩnh vực xây dựng cũng hoàn thành vượt kế hoạch năm 2013, doanh thu tăng mạnh so với năm 2012, tăng 72,3% ứng với 56,1 tỷ đồng.

#### Lợi nhuận:

Năm 2013, lợi nhuận trước thuế tăng 56,2% và lợi nhuận sau thuế tăng 54,6% so với năm 2012. Nguyên nhân là trong năm cùng với việc doanh thu tăng, Công ty đã thực hiện nhanh tiến độ thi công và xác nhận khối lượng thanh toán với chủ đầu tư, hoàn thành đúng tiến độ, giúp nâng cao doanh thu, giảm chi phí và tăng thêm 16,8 tỷ đồng lợi nhuận gộp cho lĩnh vực này so với năm 2012.

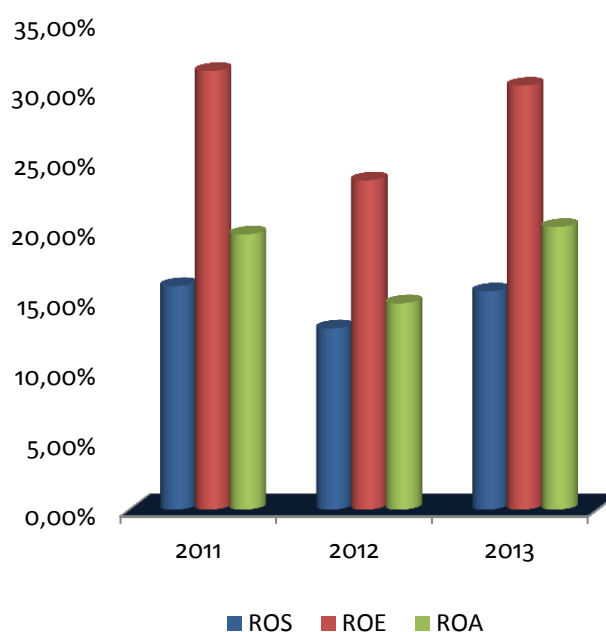
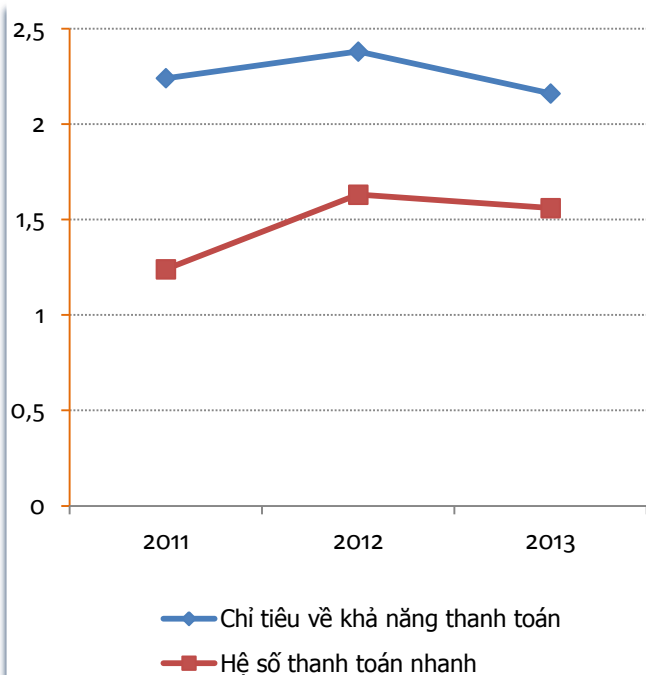
#### Các chỉ tiêu khác: Không có

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ số chủ yếu	Đơn Vị	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	2,38	2,16
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,63	1,56
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,37	0,33
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,60	0,50
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,85	4,76
Hiệu suất sử dụng tài sản	Vòng	1,14	1,30
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,24	0,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,15	0,20
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,17	0,22

*Các chỉ số tài chính năm 2013 cho thấy Công ty có tình hình tài chính lành mạnh. Cụ thể:*

- Khả năng thanh toán tốt.
- Hệ số nợ thấp.
- Các chỉ tiêu khả năng sinh lợi đều tăng so với năm 2012



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành: **11.200.000 cổ phần**
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 11.200.000 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Mệnh giá: 10,000 đồng

### Thống kê cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng CP sở hữu		Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu CP/VĐL
		Tự do chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng		
<b>I</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>5.712.000</b>		<b>5.712.000</b>	<b>51%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nội bộ</b>	<b>146.600</b>		<b>146.600</b>	<b>1,31%</b>
<b>III</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>9.996.670</b>		<b>9.996.670</b>	<b>89,26%</b>
	Cá nhân	4.124.808		4.124.808	36,83%
	Tổ chức	5.871.862		5.871.862	52,42%
<b>IV</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1.203.330</b>		<b>1.203.330</b>	<b>10,74%</b>
	Cá nhân	61.230		61.230	0,54%
	Tổ chức	1.142.100		1.142.100	10,20%
<b>Tổng cộng</b>		<b>11.200.000</b>		<b>11.200.000</b>	<b>100%</b>

### Cổ đông lớn (trên 5% vốn điều lệ)

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)/VĐL
1	Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương TNHH MTV	3700148166	5.712.000	57.120.000.000	51%
2	America LLC	CA5883	770.930	7.709.300.000	6,88%
<b>Tổng Cộng</b>			<b>6.482.930</b>	<b>64.829.300.000</b>	<b>57,88%</b>

### **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm Công ty không có hoạt động mua, bán cổ phiếu quỹ.

### **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Không có

### **Các chứng khoán khác:**

Không có





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

30 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

33 Tình hình tài chính

34 Kế hoạch kinh doanh năm 2014

35 Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán



# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi và khó khăn

#### a. Thuận lợi

- Năm 2013, mặc dù tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh vẫn còn khó khăn nhưng thị trường, thị phần của hầu hết các lĩnh vực nhìn chung được duy trì, cụ thể như sản phẩm đá xây dựng tiếp tục duy trì được các khách hàng truyền thống và khách hàng tiêu thụ bằng đường thủy, sản phẩm cốt bê tông đã bước đầu thâm nhập mạnh vào thị trường TP.HCM, lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng cũng đã phát triển được mạng lưới khách hàng rộng khắp địa bàn tỉnh Bình Dương.
- Hoạt động sản xuất của Công ty nhìn chung thuận lợi, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Xí nghiệp được vận hành tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm, năng lực vận chuyển được nâng cao nhờ việc chú trọng đầu tư xe máy. Đặc biệt, hoạt động khai thác đá nguyên liệu trên diện tích 1 hecta mở rộng tại mỏ đá Tân Đông Hiệp tương đối thuận lợi đã góp phần gia tăng sản lượng chế biến, còn lĩnh vực xây lắp trong năm 2013 Lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các công trình được bố trí vốn để tham gia đấu thầu với mức giá cạnh tranh thấp. Bên cạnh đó, giá cả một số nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng... có xu hướng giảm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

#### b. Khó khăn

- Trong năm 2013, mặc dù Chính phủ đã thực thi nhiều chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và nền kinh tế tuy nhiên hiệu quả còn rất khiêm tốn. Thị trường bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng nhìn chung còn khó khăn. Do đó, nhu cầu một số sản phẩm của Công ty như cốt bê tông, gạch không nung giảm. Đồng thời, trong hoạt động khai thác đá xây dựng thì chi phí tăng cao do Chính phủ áp tính chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản là 4% của giá trị đá nguyên liệu (theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013).
- Năng lực cạnh tranh của Công ty ở một số lĩnh vực như gạch không nung, cơ khí xây dựng thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh các lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn. Riêng lĩnh vực xây lắp thì có lợi thế cạnh tranh ở thị trường Bình Dương và tập trung vào các công trình hạ tầng cấp 3 có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước mà chưa mở rộng được sang các thị trường khác, các công trình cấp 2, các công trình có yêu cầu kỹ thuật thi công cao.





## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	427,551,359,291	333,154,184,768
Các khoản giảm trừ doanh thu	16,633,810	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	427,534,725,481	333,154,184,768
Giá vốn hàng bán	313,656,181,684	257,509,707,619
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113,878,543,797	75,644,477,149
Doanh thu hoạt động tài chính	3,135,310,106	2,726,961,991
Chi phí tài chính	3,119,669,332	3,674,054,748
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>3,119,669,332</i>	<i>3,674,054,748</i>
Chi phí bán hàng	5,074,081,804	5,094,778,910
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,654,600,824	12,857,691,892
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	95,165,501,943	56,744,913,590
Thu nhập khác	1,061,008,336	607,286,460
Chi phí khác	7,079,968,447	278,270,747
Lợi nhuận khác	(6,018,960,111)	329,015,713
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89,146,541,832	57,073,929,303
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22,528,719,883	13,979,111,746
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66,617,821,949	43,094,817,557
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>5,948</b>	<b>3,848</b>

### Doanh thu:

Trong bối cảnh kinh tế năm 2013 còn nhiều khó khăn, ngành xây dựng và vật liệu xây dựng vẫn còn trì trệ nhưng kết quả hoạt động kinh doanh mà Công ty đạt khá cao. Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 427.535 triệu đồng, đạt 105% kế hoạch và tăng 28,33% so với năm 2012 (doanh thu cùng kỳ là 333.154 triệu đồng). Có được kết quả đó là nhờ:

- Trong năm, Công ty đẩy mạnh khai thác đá nguyên liệu trên diện tích 1 hecta mở rộng tại mỏ đá Tân Đông Hiệp đã góp phần gia tăng sản lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt là trong 06 tháng cuối năm 2013 qua đó đảm bảo doanh thu kế hoạch đề ra.
- Doanh thu lĩnh vực xây lắp đã tăng từ 77.598 triệu đồng trong năm 2012 lên 133.761 triệu đồng trong năm 2013, tương ứng với mức tăng 72%. Đó là nhờ trong năm 2012 và đầu năm 2013 Lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các công trình được bố trí để tham gia đấu thầu với mức giá cạnh tranh thấp, đồng thời có nhiều biện pháp đẩy mạnh thi công các công trình trọng điểm như trường tiểu học Thanh Tân, trường mầm non Hoa Cúc 9, đường Rầy xe lửa, đường Tân Đông Hiệp...

### Lợi nhuận:

Về lợi nhuận sau thuế trong năm 2013 ước đạt là 66.618 triệu đồng tăng 55% so với năm 2012. Nguyên nhân làm cho lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ là:

- Lĩnh vực đá xây dựng: Mặc dù cuối năm 2013, chi phí khai thác đá tăng cao do Chính Phủ áp mức tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là 4% của giá trị đá nguyên liệu (Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ) và áp dụng cho sản lượng đã khai thác từ ngày 01/07/2011 đến 31/12/2013 với số tiền là 9.050 triệu đồng. Tuy nhiên, nhờ trong năm Công ty đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là đá 1x2, đây là sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã hoàn thành việc bóc tầng phủ khu vực sạt lở nên duy trì được hiệu quả kinh doanh lĩnh vực này.
- Lĩnh vực xây lắp trong năm 2013, Công ty đã thu được các khoản bù giá của các công trình như trường Dĩ An, trường Bình An, Nhà Hội Quán Dầu Tiếng, đường Tico, đường Bình Chuẩn – An Phú... với tổng giá trị là 10.850 triệu đồng. Đây là khoảng doanh thu tăng lên mà không ảnh hưởng đến chi phí nên làm cũng làm tăng lợi nhuận gộp lên 10.850 triệu đồng.
- Giá thành một số sản phẩm như cống bê tông, xây lắp được tiết giảm nhờ Ban lãnh đạo Công ty tăng cường các biện pháp kiểm soát, tiết kiệm định mức và nâng cao năng suất lao động. Bên cạnh đó, giá cả một số nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng... cũng có xu hướng giảm giúp tiết giảm chi phí đầu vào.

### Chỉ tiêu khác:

Ngoài các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh thì trong năm 2013 Công ty cũng đã đảm bảo chỉ tiêu về thu nhập của người lao động, cụ thể nâng cao mức thu nhập bình quân của người lao động từ mức 6.658.000 đồng/người/tháng năm 2012 lên 7.509.000 đồng/người/tháng. Đảm bảo kế hoạch nộp ngân sách năm 2013 là 52.862 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch.

**Những tiến bộ công ty đã đạt được:** Không có



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tình hình tài chính Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh toán khách hàng, thầu phụ, tiền lương, chế độ cho người lao động.
- Công tác quyết toán thuế năm 2012, kiểm toán năm 2012, 2013 của Công ty đều phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan.
- Tình hình tài sản, nguồn vốn năm 2013 tăng 12,8% về giá trị so với năm 2012 lên 330.118.227.716 đồng. Giá trị vốn hóa của Công ty sau một năm niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã tăng gấp 2 lần.

### Một số chỉ tiêu về tình hình tài sản và nợ của Công ty

#### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2012 (đồng)	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	237,449,812,857	193,610,957,451	22.64%
Tiền và các khoản tương đương tiền	13,618,698,848	54,588,281,411	-75.05%
Hàng tồn kho	65,846,011,944	61,008,896,443	7.93%
Các khoản phải thu ngắn hạn	85,692,511,019	63,336,035,655	35.30%
Tài sản dài hạn	92,668,414,859	98,992,031,451	-6.39%
Tài sản cố định	91,166,985,803	96,424,548,650	-5.45%
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	176,134,261	1,133,712,977	-84.46%
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>330,118,227,716</b>	<b>292,602,988,902</b>	<b>12.82%</b>

#### Tình hình nợ

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2012 (đồng)	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	110,128,827,641	81,334,773,548	35.40%
Nợ dài hạn	-	28,000,000,000	-100.00%
<b>TỔNG NỢ</b>	<b>110,128,827,641</b>	<b>109,334,773,548</b>	<b>0.73%</b>

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:** Không có

## KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

### 1. Định hướng kinh doanh

Tình hình kinh tế năm 2014 được dự báo sẽ chưa bớt phá ngay tình trạng trì trệ như hiện nay, cùng với môi trường hoạt động của doanh nghiệp chưa có nhiều thuận lợi sẽ là lực cản không nhỏ đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục phát huy nội lực doanh nghiệp để tận dụng tối đa các nguồn lực hiện có và liên kết với các nguồn lực bên ngoài để phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững và đảm bảo được mức sinh lợi hợp lý. Cụ thể như sau:



- Định hướng kinh doanh của Công ty tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn là thi công các công trình giao thông – dân dụng, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng, cấu kiện bê tông, đồng thời chú trọng các hoạt động đầu tư, tăng cường công tác tiếp thị để từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và đạt được các mục tiêu kinh doanh đề ra.
- Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt và cạnh tranh phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, an toàn trong thanh toán với các giao dịch mua bán vẫn được ưu tiên hàng đầu.
- Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.

### 2. Mục tiêu hoạt động kinh doanh năm 2014

**Doanh thu : 435 tỷ đồng**

**Lợi nhuận sau thuế: 60 tỷ đồng**

**EPS: 5.357 đồng/cổ phiếu**

**Cổ tức: 24% / VDL**



### 3. Thuyết minh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2014 là 435.000 triệu đồng, tăng 2% so với thực hiện năm 2013. Lợi nhuận sau thuế là 60.000 triệu đồng, giảm 10% so với thực hiện năm 2013. Nguyên nhân làm cho doanh thu tăng thấp và lợi nhuận kế hoạch năm 2014 giảm là:

- Về doanh thu: Kế hoạch doanh thu năm 2014 tăng thấp do doanh thu sản phẩm đá xây dựng và xây lắp dự kiến giảm so với năm 2013. Cụ thể, doanh thu kế hoạch đá xây dựng năm 2014 giảm 2% so với mức tăng 17% của năm 2013 do những khó khăn trong hoạt động khai thác, doanh thu xây lắp giảm 12% so với mức tăng 72% của năm 2013 nguyên nhân là khối lượng công trình mới trúng thầu trong năm 2014 dự kiến đạt thấp.
- Về lợi nhuận sau thuế giảm là do chi phí giá vốn hàng bán tăng 7%, đặc biệt là chi phí giá vốn của sản phẩm đá xây dựng, xây lắp, đồng thời chi phí tài chính cũng tăng 91% so với năm 2013, cụ thể:
  - *Sản phẩm đá xây dựng:* Trong năm 2014, mặc dù kế hoạch sản lượng khai thác chế biến giảm 3% so với năm 2013 nhưng chi phí giá vốn dự kiến tăng 6%. Trong đó, các khoản phải nộp cho nhà nước tăng cao do chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản là 4% của giá trị đá nguyên liệu và thuế tài nguyên cũng tăng từ mức 6.600 đồng/m<sup>3</sup> lên 7.700 đồng/m<sup>3</sup>. Đồng thời, chi phí nguyên vật liệu phục vụ hoạt động khai thác tăng 22% so với năm 2013, nguyên nhân chủ yếu là do quá trình khai thác gặp khó khăn, quy mô nổ mìn theo diện tích giảm làm khối lượng thuốc nổ sử dụng tăng khoảng 30%.
  - *Sản phẩm xây lắp:* Kế hoạch doanh thu năm 2014 của lĩnh vực này giảm 12%, trong khi chi phí giá vốn chỉ giảm 4% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm 2013, doanh thu bù giá nhân công, máy thi công ước đạt 10.850 triệu đồng nên làm tăng doanh thu, trong khi chi phí không thay đổi. Tuy nhiên, sang năm 2014 thì doanh thu từ bù giá công trình hầu như không còn nên chi phí giá vốn sẽ tăng và lợi nhuận giảm so với năm 2013.
- Về chi phí tài chính: Trong năm 2014, nhu cầu nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tăng so với năm 2013. Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn hoạt động thì Công ty có kế hoạch vay ngắn hạn 53.200 triệu đồng do đó làm cho chi phí tài chính tăng 91% từ 3.120 triệu đồng năm 2013 lên 5.954 triệu đồng.
- Tăng trưởng doanh thu kế hoạch năm 2014 có sự đóng góp lớn từ các lĩnh vực như cồng bê tông, kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng... Đây là những lĩnh vực có mức độ cạnh tranh về giá trên thị trường cao và tỷ suất sinh lợi thấp hơn so với sản phẩm đá xây dựng, nên mặc dù có đóng góp cao vào tăng trưởng doanh thu nhưng tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận còn hạn chế.
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2014: Tổng lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2014 là 60.000 triệu đồng và được phân phối như sau, lợi nhuận dùng trích lập các quỹ là 19.200 triệu đồng, lợi nhuận dùng để chi trả cổ tức là 26.880 triệu đồng, lợi nhuận còn lại chưa phân phối là 13.920 triệu đồng.

**Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có



### **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

37 Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

39 Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc

39 Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Năm 2013, bức tranh kinh tế thế giới chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng, mặc dù thị trường tài chính toàn cầu đang dần hồi phục nhưng tại khu vực sản xuất vẫn còn trì trệ, các hoạt động đầu tư và thương mại chưa lấy được đà tăng trưởng tốc độ cao trở lại.
- Theo báo cáo của Chính phủ về tình hình phát triển kinh tế- xã hội năm 2013 thì nền kinh tế nước ta cơ bản thực hiện được mục tiêu tổng quát năm 2013 là "tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát cơ bản đã được kiểm chế, lãi suất được kéo giảm nhiều; tăng trưởng cao hơn năm 2012". Đây là kết quả rất đáng mừng. Tuy nhiên nền kinh tế vẫn còn nhiều biến động và còn tiềm ẩn nhiều thách thức. Những thách thức tồn tại, hạn chế của nền kinh tế, như: Tổng cầu toàn xã hội giảm; kinh tế vĩ mô chưa thực sự vững chắc; lạm phát tuy đã được kiểm chế nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ tăng trở lại; nợ xấu còn nhiều và chưa được giải quyết cơ bản; việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn do các giải pháp của Chính phủ về tái cấu trúc hệ thống tài chính, ngân hàng.
- Riêng với CIC 3-2, những yếu tố như : giá nguyên vật liệu biến động phức tạp, giá xăng dầu tăng 2,18% kéo theo chi phí vận tải tăng, giá điện tăng cao đến 10%,...là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất của công ty trong năm 2013.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% TH/KH 2013
1	Tổng doanh thu	Đồng	406.662.000.000	427.551.359.291	105%
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	65.826.000.000	89.146.541.832	135%
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	49.369.000.000	66.617.821.949	135%
4	Nộp ngân sách	Đồng	48.544.000.000	52.862.290.016	109%
5	Cổ tức		24%	24%	100%



Như vậy, các chỉ tiêu cơ bản về Tổng doanh thu, lợi nhuận trước và sau thuế, nộp ngân sách đều vượt so với kế hoạch đã nêu trong Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013. Để đạt được kết quả như trên, Công ty thực hiện các biện pháp sau:

- ✚ Công ty đã thực hiện chính xác chiến lược kinh doanh dựa trên những thế mạnh vốn có của Công ty như khai thác, sản xuất đá xây dựng; sản xuất cống và cấu kiện bê tông ly tâm, xây lắp, kinh doanh nhiên liệu,...
- ✚ Sự linh hoạt của Ban lãnh đạo công ty tại từng thời điểm biến động của thị trường, tận dụng được những yếu tố có lợi cho công ty như: lạm phát được kiềm chế; lãi suất giảm; đánh giá thị trường giá cả và tồn kho nguyên vật liệu hợp lý;... Là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả trên.
- ✚ Những năm qua Công ty đã và đang nghiên cứu phát triển nhiều sản phẩm mới về vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng các nhu cầu của thị trường, từ đó tạo thế mạnh phát triển bền vững cho Công ty.
- ✚ Sự đoàn kết và cố gắng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong năm 2013 đã giúp công ty luôn duy trì phát triển và ổn định về các mặt hoạt động.



## Hoạt động quản trị công ty năm 2013

- Các tiểu ban của HĐQT đã hoạt động khá hiệu quả trong năm 2013 khi đã hỗ trợ HĐQT xây dựng và triển khai nhiều giải pháp quản trị hiện đại mang lại hiệu quả cao.
- Tình hình nhân sự trong năm 2013 ổn định, không có biến động lớn, đảm bảo nhu cầu nhân sự cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chế độ lương thưởng và các chế độ khác được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đồng thời vẫn đảm bảo sự công bằng theo năng lực và sự đóng góp của từng cán bộ quản lý, nhân viên Công ty.
- Tình hình tài chính công ty ổn định, việc thanh toán cho khách hàng, tiền lương, chế độ cho người lao động và nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước luôn kịp thời, đúng quy định.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hội đồng quản trị đã giao quyền cho ban Tổng Giám Đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định tại Điều lệ của Công ty và những quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp của Hội đồng quản trị.
- Ban lãnh đạo Công ty thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng. Các buổi họp giao ban định kỳ luôn được duy trì; quản lý và điều hành công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Trong năm 2013, các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, các mặt hoạt động của công ty được cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hơn.
- Để đạt được hiệu quả trên là do sự phối hợp tốt giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Việc chỉ đạo điều hành được đảm bảo theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai, minh bạch, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2014 được dự báo là một năm đầy triển vọng, và cũng đầy thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam. Ngành Xây dựng và ngành Bất động sản của Việt Nam cũng được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong năm 2014

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và các mục tiêu của Công ty năm 2014, trong quá trình thực hiện Công ty cần bước đi thận trọng, tìm các giải pháp tiết kiệm chi phí trong hoạt động SXKD và theo dõi sát những diễn biến của nền kinh tế để kịp thời có những biện pháp điều tiết để đảm bảo thực hiện hiệu quả các kế hoạch đã đề ra.

Qua việc tham khảo những nhận định và dự báo cùng với việc đánh giá năng lực nội tại, HĐQT đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng trong năm 2014 như sau:

**435**  
Tỷ đồng  
Doanh thu

**60**  
Tỷ đồng  
LNST

## Kế hoạch trong năm 2014

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị	So với TH 2013	
				TH 2013	% Tăng /giảm
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	435	427.5	2%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	77	89	-13,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60	66.6	-9,9%
4	Nộp nhân sách	Tỷ đồng	47	52.8	-11%
5	Cổ tức	%	24%	24%	-

## Định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2014

### *Trước Đại hội đồng cổ đông năm 2014*

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ cũ sẽ thực hiện báo cáo kết quả hoạt động của nhiệm kỳ 2008 – 2013 cho Đại hội đồng cổ đông.
- Xây dựng quy chế đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS, BGD nhiệm kỳ 2014 – 2019 và các tài liệu liên quan trình Đại hội đồng cổ đông.
- Hỗ trợ Đại hội đồng cổ đông thực hiện công tác bầu HĐQT, BKS, BGD nhiệm kỳ mới.

### *Sau Đại hội đồng cổ đông năm 2014*

*Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019 dự kiến sẽ thực hiện các định hướng như sau:*

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và ổn định mức cổ tức hàng năm cho cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu, hình ảnh và uy tín của Công ty trên thị trường, các nhà đầu tư và công chúng.
- Hoàn thiện định hướng phát triển, xây dựng kế hoạch chiến lược 5 năm của Công ty giai đoạn 2014 - 2019. Xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược phát triển thị trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty;
- Hỗ trợ Ban giám đốc Công ty quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình khai thác, sản xuất sản phẩm, chất lượng thi công các công trình, tiến độ thực hiện, công tác bán hàng, tiếp thị sản phẩm,... nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời tăng cường nắm bắt thông tin qua nhiều kênh để phân tích tình hình kinh tế, xu hướng của thị trường để chủ động nắm bắt cơ hội phát triển.
- Xây dựng quy chế đề bạt bổ nhiệm nhân sự cấp cao. Đồng thời hoàn thiện các quy chế quản lý nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; đặc biệt chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa.
- Rà soát và xây dựng chiến lược về cơ cấu bộ máy, tổ chức và nhân sự cho công ty cho giai đoạn 2014 – 2019. Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên. Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động đối với Công ty. Chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý. Đề ra các giải pháp quản lý chi phí và quản trị rủi ro.





## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

42 Hội đồng quản trị

49 Ban Kiểm soát

50 Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/ Thành viên độc lập	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1. Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT		
2. Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Chủ tịch HĐQT		
3. Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên HĐQT	TV Độc lập	
4. Ông Nguyễn Thế Phi	Thành viên HĐQT		
5. Ông Mai Tiến Trung	Thành viên HĐQT	TV Độc lập	

### Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông VÕ VĂN LÃNH – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Giới tính	: Nam
Ngày/tháng/năm sinh	: 01/01/1963
Nơi sinh	: Bình Dương
Chứng minh nhân dân	: 280132872 do CA. Bình Dương cấp ngày 09/02/2011
Địa chỉ thường trú	: 49 Nguyễn Văn Tiết, P. Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản. Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ.
Quá trình công tác	
1985 – 1992	: Nhân viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé.
1992 – 1995	: Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé (SRP corp.)
1995 – nay	: Giám Đốc Công ty Kinh doanh phát triển nhà Sông Bé (sau đổi tên thành Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2). Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	: 112.200 cổ phần
- Cá nhân nắm giữ	: 112.200 cổ phần



- Đại diện sở hữu : Không có  
Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : Không có

### **Ông NGUYỄN THANH XUÂN – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc**

Giới tính : Nam  
Ngày/tháng/năm sinh : 19/05/1960  
Nơi sinh : Bình Dương  
Chứng minh nhân dân : 280904683 do CA. Bình Dương cấp ngày 25/9/2013  
Địa chỉ thường trú : 15/03 Khu phố Thạnh Hòa B, phường An Thạnh, Thị xã Thuận An  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán  
Kỹ sư xây dựng và Công nghiệp

Quá trình công tác

07/1980 – 03/1985 : Nhân viên Kế toán Phòng Tài vụ - Sở Xây dựng Sông Bé  
03/1985 – 12/1990 : Phó phòng kế toán Nhà máy men Gốm sứ Sông Bé  
09/1992 – 05/1993 : Kế toán Ban Đầu tư xây dựng – Công ty sản xuất – XNK Sông Bé  
06/1993 – 10/1996 : Kế toán Công ty kinh doanh phát triển nhà Sông Bé  
11/1996 – 12/1997 : Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2  
12/1997 – 10/2002 : Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2  
11/2002 – 12/2008 : Phó Giám Đốc Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2  
12/2008 – nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có

Số cổ phiếu nắm giữ : 2.600 cổ phần  
- Cá nhân nắm giữ : 2.600 cổ phần  
- Đại diện sở hữu : Không có

Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : Không có

### **Ông NGUYỄN THẾ SỰ – Thành viên Hội đồng quản trị**

Giới tính : Nam  
Ngày/tháng/năm sinh : 10/04/1978  
Nơi sinh : Quảng Ngãi  
Chứng minh nhân dân : Số 281041507 do CA. Bình Dương cấp ngày 13/01/2009  
Địa chỉ thường trú : KP Đông Tư, P. Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương

Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác		
05/2000 – 12/2006	:	Nhân viên kế toán – Công ty Sản xuất&Xuất nhập khẩu Bình Dương
01/2007 – 11/2010	:	Kế toán trưởng – Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương
12/2010 đến nay	:	Kiểm soát viên – Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH Một thành viên
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội Đồng Quản trị
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	:	Không có phần
- Cá nhân nắm giữ	:	Không có phần
- Đại diện sở hữu	:	Không có
Số lượng cổ phiếu của những người liên quan	:	Không có

### **Ông NGUYỄN THẾ PHI – Thành viên Hội Đồng Quản trị**

Giới tính	:	Nam
Ngày/tháng/năm sinh	:	19/09/1974
Nơi sinh	:	Bình Dương
Chứng minh nhân dân	:	Số 280549396 do CA. Bình Dương cấp ngày 12/11/2010
Địa chỉ thường trú	:	1354/56 Đường Lê Chí Dân, Tương Bình Hiệp, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân quản trị kinh doanh. Cử nhân Quản trị hành chính
Quá trình công tác		
1999 – 10/2001	:	Nhân viên Công ty TNHH Tripple A
11/2002 – 03/2007	:	Nhân viên hành chính – Quản trị, thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.
03/2007 – 12/2008	:	Nhân viên kinh doanh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2
12/2008 – nay	:	Nhân viên kinh doanh thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	:	Thành viên Hội Đồng Quản trị
Hành vi vi phạm pháp luật	:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	:	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	:	25.500 cổ phần
- Cá nhân nắm giữ	:	25.500 cổ phần
- Đại diện sở hữu	:	Không có

Số lượng cổ phiếu của  
những người liên quan : Không có

### **Ông MAI TIẾN TRUNG – Thành viên Hội Đồng quản trị**

Giới tính : Nam  
Ngày/tháng/năm sinh : 25/10/1976  
Nơi sinh : Sài Gòn  
Chứng minh nhân dân : Số 023116155 do CA. TP.HCM cấp ngày 28/04/2009  
Địa chỉ thường trú : 18 Đường 48, Phường 3, Quận 4, TP.HCM  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế  
Quá trình công tác  
2002 – 2005 : Thành viên HĐQT - Giám Đốc CTCP Sao Đông Dương  
2005 – 2008 : Thành viên HĐQT – Giám Đốc CTCP Quảng Cáo Âu Lạc  
2010 – nay : Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư Sài Gòn Long  
TV-HĐQT Công ty Thiên An Phú  
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội Đồng Quản trị  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không có  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có  
Số cổ phiếu nắm giữ : 132.260 cổ phần  
- Cá nhân nắm giữ : 132.260 cổ phần  
- Đại diện sở hữu : Không có  
Số lượng cổ phiếu của những người liên quan : Không có

### **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

1. Ông Võ Văn Lãnh
2. Ông Nguyễn Thanh Xuân
3. Ông Nguyễn Thế Phi
4. Ông Nguyễn Thế Sự



## Hoạt động của Hội đồng quản trị

### Số lượng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2013

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp và lấy ý kiến	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	5	100%	
2	Nguyễn Thanh Xuân	Phó Chủ tịch	5	100%	
3	Nguyễn Thế Phi	Thành viên	5	100%	
4	Mai Tiến Trung	Thành viên	5	100%	
5	Nguyễn Thế Sự	Thành viên	5	100%	

### Nội dung các cuộc họp và các Nghị Quyết của HĐQT

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
<b>NGHỊ QUYẾT:</b>			
1	01/NQ-HĐQT	15/03/2013	Ngày đăng ký cuối cùng và ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 vào ngày 24/04/2013.
2	02/NQ-HĐQT	08/04/2013	Thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
3	03/NQ-HĐQT	08/04/2013	Thông qua việc lương, thưởng của TGD, P.TGD, KTT, lãnh đạo các cơ sở và các nội dung khác.
4	04/NQ-HĐQT	08/04/2013	Chỉ định ông Dương Văn Quốc làm giúp việc cho Tiểu ban Chính sách và phát triển, ông Phan Huy Thuận làm giúp việc cho Tiểu ban Kiểm soát nội bộ. Bổ nhiệm lại ông Lê Ngọc Thịnh làm Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thế Phi làm Giám đốc Sàn giao dịch bất động sản.
5	05/NQ-HĐQT	08/04/2013	Chỉ định ông Lữ Minh Quân làm Thư ký Công ty và Công bố thông tin thay thế ông Như Đức Mạnh.
6	06/NQ-HĐQT	08/05/2013	Ngày đăng ký cuối cùng và chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 vào ngày 03/07/2013.
7	07/NQ-HĐQT	24/10/2013	Ngày đăng ký cuối cùng và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 vào ngày 19/12/2013.
8	01/NQ-HĐQT	13/01/2014	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
9	02/NQ-HĐQT	13/01/2014	Thế chấp tài sản của Công ty cho Ngân hàng Công thương Bình Dương và Ủy quyền cho TGD được bảo lãnh và vay nợ cho hoạt động SXKD năm 2014.
10	03/NQ-HĐQT	13/01/2014	Gia hạn việc thế chấp tài sản cho Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Nam Bình Dương để bảo lãnh và vay nợ cho hoạt động SXKD năm 2014.
11	04/NQ-HĐQT	13/01/2014	Giao quyền cho TGD Công ty ký các Hợp đồng liên quan đến



			hoạt động SXKD của Công ty.
12	05/NQ-HĐQT	13/01/2014	Bổ nhiệm lại ông Phạm Tấn Lộc làm Trưởng phòng Đầu tư.
13	06/NQ-HĐQT	13/01/2014	Xử lý nợ phải thu khó đòi theo quy định của Bộ Tài chính đã tồn đọng từ năm 2008 trước khi cổ phần hóa cho đến nay.
14	07/NQ-HĐQT	13/01/2014	Thông qua Kiểm điểm của Ban Tổng Giám đốc lãnh đạo, quản lý Công ty năm 2013.
15	08/NQ-HĐQT	13/01/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thống nhất kéo dài hoạt động của HĐQT và Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2008 – 2013 cho đến khi ĐHĐCĐ bầu HĐQT mới;</li> <li>• Giao quyền cho Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm kéo dài Ban TGDĐ đến khi ĐHĐCĐ bầu HĐQT mới và chỉ định các nhân sự nói trên.</li> </ul>
<b>QUYẾT ĐỊNH:</b>			
1	01/QĐ-HĐQT	02/01/2013	Ban hành quy chế Quản trị Công ty.

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Không có



## Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị trong năm 2013

### Tiểu ban nhân sự

**Phụ trách** : Ông Nguyễn Thế Sự (TV HĐQT độc lập)

Theo dõi diễn biến tình hình nhân sự, tiền lương để kịp thời báo cáo HĐQT hướng xử lý điều hành khi cần thiết. Tình hình nhân sự trong năm 2013 ổn định, không có biến động lớn, đảm bảo nhu cầu nhân sự cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác tiền lương, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp Công ty luôn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động không nảy sinh vấn đề gì cần phải giải quyết; về quy chế tính lương tại các đơn vị hiện đang xây dựng lại theo hình thức xét về đánh giá năng lực, hiệu quả công việc, theo chức năng nhiệm vụ mà áp dụng chế độ khoán lương quản lý phù hợp, còn bộ phận sản xuất đã áp dụng tính lương khoán sản phẩm ổn định nhiều năm và các vấn đề về lương đối với viên chức quản lý tại doanh nghiệp cổ phần hóa có vốn nhà nước chi phối; làm cầu nối thông tin giữ cổ đông lớn và Hội đồng quản trị để đáp ứng các yêu cầu của cổ đông.

## Tiểu ban Kiểm soát nội bộ

**Phụ trách** : Ông Nguyễn Thế Phi (TV HĐQT)

**Thành viên** : Ông Phan Huy Thuận

Tham gia kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy trình, quy định của công ty tại các Xí nghiệp qua các đợt đánh giá nội bộ; tham gia kiểm tra hoạt động sản xuất tại Xí nghiệp cơ khí & Bê tông, kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý sản xuất, quản lý nguyên liệu đầu vào, công tác quyết toán sản xuất công bê tông ly tâm góp phần ổn định sản xuất của xí nghiệp Cơ khí & Bê tông; giám sát hoạt động của lĩnh vực xây lắp về tình hình doanh thu, lợi nhuận chi tiết của từng công trình theo yêu cầu của HĐQT; giám sát quá trình tập hợp chi phí nguyên vật liệu đầu vào, các hồ sơ, thủ tục của các Xí nghiệp thực hiện đúng quy định của công ty và pháp luật; Theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty, làm việc với các bộ phận cơ sở để nắm bắt những thuận lợi, khó khăn để tư vấn cho Hội đồng quản trị các biện pháp nhằm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2013.

Nhìn chung, qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2013, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đạt kế hoạch đề ra. Tình hình tài chính công ty ổn định, việc thanh toán khách hàng, tiền lương, chế độ cho người lao động và nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước kịp thời, đúng quy định;

## Tiểu ban chính sách phát triển

**Phụ trách** : Ông Mai Tiên Trung (TV HĐQT độc lập)

**Thành viên** : Ông Dương Văn Quốc

Trong năm 2013, hoạt động của Tiểu ban Chính sách Phát triển tập trung vào việc theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, cụ thể:

- Theo dõi và nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Tiểu ban đã tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2013, thực hiện khảo sát tình hình sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Đá. Về kết quả hoạt động kinh năm 2013 nhìn chung khả quan, doanh thu từ hoạt động kinh doanh ước là 397.537 triệu đồng, đạt 98% kế hoạch và tăng 19,3% so với năm 2012. Lợi nhuận sau thuế ước là 68.981 triệu đồng, đạt 140% kế hoạch và tăng 60% so với năm 2012. Mặc dù, trong bối cảnh mà tình hình kinh tế còn khó khăn, các lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng chưa có nhiều phục hồi thì kết quả kinh doanh mà Công ty đạt được là khả quan so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.
- Về công tác tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư: Trong năm 2013, Tiểu ban đã phối hợp với các bộ phận liên quan để khảo sát mỏ đá mới tại huyện Phú Giáo – Bình Dương. Thực hiện nghiên cứu và tìm kiếm các cơ hội đầu tư, M&A phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, cụ thể Tiểu ban đề xuất đầu tư vào Công ty Cổ phần Miền Đông.

Kết quả hoạt động của Tiểu ban Chính sách Phát triển năm 2013 nhìn chung còn hạn chế, nguyên nhân một phần do bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, rủi ro kinh doanh cao nên các hoạt động đầu tư của Công ty chủ yếu tập trung vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường của các sản phẩm như đá xây dựng, công bê tông. Riêng việc đầu tư mỏ đá mới thì còn vướng nhiều khó khăn trong việc xin chủ trương, cũng như hiệu quả đầu tư.

## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm Soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Văn Hoàng Tùng	Trưởng ban	0,018%
2	Bùi Minh Hải	Thành viên	0,016%
3	Huỳnh Hữu Hùng	Thành viên	Không có

### Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 đợt kiểm tra kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2. Qua các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã có ý kiến trao đổi, đóng góp, đề xuất các đơn vị, Công ty trong việc tổ chức thực hiện các yêu cầu chung theo quy định Công ty.
- Nội dung kiểm tra tại các đơn vị thuộc Cty, gồm:

STT	Số hiệu	Ngày lập	Nội dung
1	01/BC-BKS	13/05/2013	V/việc tổ chức kiểm tra kiểm soát năm 2013 tại các đơn vị thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
2	02/BC-BKS	25/05/2013	Hậu kiểm tra kết quả Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013; Kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD năm 2012, thẩm định báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán năm 2012; Tình hình công nợ trong kỳ; Tình hình hoạt động SXKD quý I/2013 và việc thực hiện giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo ( nếu có ) tại các đơn vị XN Đá Xây dựng, Phòng Tài chính và Phòng Nhân sự Cty.
3	03/BC-BKS	19/10/2013	Kiểm tra thực địa dự án Mỏ đá tại ấp Đồng Tâm, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; Kiểm tra hiệu quả hoạt động các công trình xây dựng có giá trị lớn Kiểm tra hiệu quả công trình xây dựng; tình hình công nợ trong kỳ; báo cáo kết quả tài chính, báo cáo hoạt động SXKD cuối quý III/2013 và việc thực hiện giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo ( nếu có ) tại các đơn vị XN Xây lắp, Phòng Tài chính và Phòng Kinh doanh Cty
4	04/BC-BKS	21/11/2013	Kiểm tra tình hình hoạt động SXKD trong kỳ; tình hình công nợ phải thu trong kỳ; tình hình khắc vữa ranh giới thi công mỏ Tân Đông Hiệp và việc thực hiện giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo ( nếu có ) tại các đơn vị XN Đá Xây dựng và XN Cơ khí và Bê tông.

## Kế hoạch trong năm 2014 của Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát tham gia với Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông nhiệm kỳ II (2014 - 2019), sau đại hội sẽ tiến hành triển khai kế hoạch hoạt động năm 2014. Tiếp tục kiểm tra kiểm soát các hoạt động tại các đơn vị thuộc Công ty, gồm: Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, tình hình thực hiện báo cáo tài chính, công nợ phải thu, tình hình thực hiện các dự án.



## THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BAN KS

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Thù lao	Lợi ích khác (phép năm, ăn giữa ca)
<b>1 Hội đồng quản trị</b>					
	Võ Văn Lãnh			325,376,000	
	Nguyễn Thanh Xuân			260,301,000	
	Nguyễn Thế Phi			195,225,000	
	Mai Tiến Trung			195,225,000	
	Nguyễn Thế Sự			195,225,000	
<b>2 Ban kiểm soát</b>					
	Văn Hoàng Tùng			241,875,000	
	Bùi Minh Hải			169,313,000	
	Huỳnh Hữu Hùng			169,313,000	
<b>3 Ban điều hành</b>					
	Võ Văn Lãnh	543,628,000	77,313,000		29,337,000
	Nguyễn Thanh Xuân	397,092,000	52,821,000		22,602,000
	Trần Văn Bình	326,194,000	56,421,000		19,587,000

Đơn vị tính: Đồng

## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Mai Tiến Trung	Thành viên HĐQT	113.310	1,01	132.260	1,18	Mua cổ phiếu
2	Lữ Minh Quân	Người được ủy quyền CBTT	3.000	0,027	0	0	Bán cổ phiếu
3	Lữ Quốc Dũng	Người CLQ đến người CBTT	2.000	0,018	0	0	Bán cổ phiếu
4	Trần Văn Bình	Kế toán trưởng	25.000	0,22	2.500	0,022	Bán cổ phiếu

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Không có

### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm 2013, Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị công ty theo qui định của pháp luật, của cơ quan quản lý nhà nước đối với công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và Điều lệ hoạt động của Công ty.





**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

53 Ý kiến của kiểm toán

54 Báo cáo tài chính



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0234/2014/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 08 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

**Nguyễn Ngọc Thành - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1195-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2014

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty đầu tư xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700146225, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Ngày 30 tháng 11 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 134/2012/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là C32.

### **Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH một thành viên	57.120.000.000	51,00
Các cổ đông khác	54.880.000.000	49,00
<b>Cộng</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương  
Điện thoại : (84-650) 3.759.446  
Fax : (84-650) 3.755.605  
Website : www.cic32.com  
Mã số thuế : 3700146225

### **Các đơn vị trực thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 Xí nghiệp cơ khí và bê tông	Số 5/138 Đại lộ Bình Dương, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 Sàn giao dịch bất động sản	45A đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 Xí nghiệp xây lắp	9C Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 Xí nghiệp đá xây dựng	Số 635/1A, Quốc lộ 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương





Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng công trình công ích;
- Trồng cây lấy củ có chất bột;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây lấy quả chứa dầu;
- Trồng cây điều;
- Trồng cây cao su;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Phá dỡ;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Xây dựng nhà các loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Trồng lúa;
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác;
- Trồng cây có hạt chứa dầu;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây xanh;
- Xây dựng công trình thủy lợi; Lắp đặt lưới điện hạ thế và trạm theo đường dây từ 35KV trở xuống; Thi công hệ thống chiếu sáng; Xây dựng hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây dựng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét; Chế biến đá; Sản xuất gạch, ngói (theo Quyết định 15/2000/QĐ-BXD ngày 24 tháng 7 năm 2000 của Bộ xây dựng); Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính); Gia công cơ khí (trừ xi mạ); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản; Nhiên liệu động cơ (không đặt trạm xăng dầu tại địa chỉ trụ sở chính); Mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn; Hoạt động kho bãi; Đầu tư kinh doanh cầu đường giao thông, cầu

phà đường thủy, đường bộ; Góp vốn, mua cổ phần; Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình).

### **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sự gia tăng của hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và hoạt động xây dựng.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2013 như sau:

	Số tiền (VND)
- Chia cổ tức lần 2 năm 2012 (12% vốn điều lệ)	13.440.000.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (20%/lợi nhuận sau thuế)	8.618.963.511
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (05%/lợi nhuận sau thuế)	2.154.740.877
- Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi (05%/lợi nhuận sau thuế)	2.154.740.877
- Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành, quản lý (02% lợi nhuận sau thuế)	861.896.351

Ngoài ra, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2013 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/ NQ-HĐQT ngày 24 tháng 10 năm 2013 với số tiền là 13.440.000.000 VND

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Chủ tịch	11 tháng 12 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Phó Chủ tịch	11 tháng 12 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thế Phi	Thành viên	11 tháng 12 năm 2008	-
Ông Mai Tiến Trung	Thành viên	02 tháng 7 năm 2011	-
Ông Nguyễn Thế Sự	Thành viên	07 tháng 5 năm 2012	-

#### ***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Hoàng Tùng	Trưởng ban	11 tháng 12 năm 2008	-
Ông Bùi Minh Hải	Thành viên	11 tháng 12 năm 2008	-
Ông Huỳnh Hữu Hùng	Thành viên	07 tháng 5 năm 2012	-

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Văn Lãnh	Tổng Giám đốc	11 tháng 12 năm 2008	-

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 3-2 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Võ Văn Lĩnh  
Chủ tịch

Ngày 22 tháng 3 năm 2014

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>237,449,812,857</b>	<b>193,610,957,451</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>13,618,698,848</b>	<b>54,588,281,411</b>
1. Tiền	111		2,601,438,574	4,054,459,972
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,017,260,274	50,533,821,439
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>59,300,000,000</b>	<b>100,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	59,300,000,000	100,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>85,692,511,019</b>	<b>63,336,035,655</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	79,471,919,434	57,665,783,086
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2,187,641,221	1,430,635,504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	5,264,257,400	5,537,153,316
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,231,307,036)	(1,297,536,251)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>65,846,011,944</b>	<b>61,008,896,443</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	65,999,022,205	61,034,313,243
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(153,010,261)	(25,416,800)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12,992,591,046</b>	<b>14,577,743,942</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	12,992,591,046	14,577,743,942
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92,668,414,859</b>	<b>98,992,031,451</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>91,166,985,803</b>	<b>96,424,548,650</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	42,063,471,672	41,482,953,193



	<i>Nguyên giá</i>	222		98,683,660,880	92,202,797,160
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56,620,189,208)	(50,719,843,967)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	48,927,379,870	53,807,882,480
	<i>Nguyên giá</i>	228		78,805,887,427	78,666,887,427
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(29,878,507,557)	(24,859,004,947)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	176,134,261	1,133,712,977
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200,887,800</b>	<b>200,887,800</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	200,887,800	200,887,800
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,300,541,256</b>	<b>2,366,595,001</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,300,541,256	2,366,595,001
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>330,118,227,716</b>	<b>292,602,988,902</b>


<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>110,128,827,641</b>	<b>109,334,773,548</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>110,128,827,641</b>	<b>81,334,773,548</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	28,000,000,000	-
2.	Phải trả người bán	312	V.16	16,587,945,684	19,871,206,236
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17	3,889,480,944	3,151,565,726
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	22,580,550,663	21,925,938,603
5.	Phải trả người lao động	315	V.19	8,871,165,055	7,250,345,076
6.	Chi phí phải trả	316	V.20	17,120,152,869	1,909,021,823
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	6,428,134,501	18,367,185,137
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.22	910,267,928	1,980,741,688
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	5,741,129,997	6,878,769,259
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>28,000,000,000</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.24	-	28,000,000,000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-

6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>219,989,400,075</b>	<b>183,268,215,354</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>219,989,400,075</b>	<b>183,268,215,354</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25 112,000,000,000	112,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25 30,594,328,540	21,975,365,029
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25 8,541,000,351	6,386,259,474
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25 68,854,071,184	42,906,590,851
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>330,118,227,716</b>	<b>292,602,988,902</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	2,785,955
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		735,217,883	166,194,412
5. Ngoại tệ các loại :		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

  
 Nguyễn Xuân Hiếu  
 Người lập biểu

  
 Trần Văn Bình  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2014

  
  
 Võ Văn Lãnh  
 Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	427,551,359,291	333,154,184,768
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	16,633,810	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	427,534,725,481	333,154,184,768
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	313,656,181,684	257,509,707,619
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113,878,543,797	75,644,477,149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,135,310,106	2,726,961,991
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	3,119,669,332	3,674,054,748
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>3,119,669,332</i>	<i>3,674,054,748</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	5,074,081,804	5,094,778,910
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	13,654,600,824	12,857,691,892
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95,165,501,943	56,744,913,590
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,061,008,336	607,286,460
12. Chi phí khác	32	VI.7	7,079,968,447	278,270,747
13. Lợi nhuận khác	40		(6,018,960,111)	329,015,713
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89,146,541,832	57,073,929,303
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	22,528,719,883	13,979,111,746
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		66,617,821,949	43,094,817,557
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<b>5,948</b>	<b>3,848</b>



Nguyễn Xuân Hiếu  
Người lập biểu



Trần Văn Bình  
Kế toán trưởng



Võ Văn Lãnh  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2014




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		423,865,034,791	330,463,291,564
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(262,699,371,268)	(199,679,898,707)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(37,281,150,505)	(38,825,566,688)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	V.20, VII	(2,925,068,665)	(4,405,006,016)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.18	(24,075,617,171)	(8,048,460,445)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13,977,633,834	11,468,161,967
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(46,627,167,276)	(41,274,169,896)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>64,234,293,740</b>	<b>49,698,351,779</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10-12, VII	(8,673,122,772)	(3,610,136,143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		20,285,000	17,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(79,800,000,000)	(100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20,500,000,000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3,067,205,469	2,695,208,455
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(64,885,632,303)</b>	<b>(997,473,143)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-



3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	-	9,000,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,24	-	(9,567,731,000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21, 25	(40,318,244,000)	(21,278,149,525)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(40,318,244,000)</b>	<b>(21,845,880,525)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(40,969,582,563)</b>	<b>26,854,998,111</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>54,588,281,411</b>	<b>27,733,283,300</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>13,618,698,848</b>	<b>54,588,281,411</b>

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2014

 <hr style="width: 100%;"/> <b>Nguyễn Xuân Hiếu</b> Người lập biểu	 <hr style="width: 100%;"/> <b>Trần Văn Bình</b> Kế toán trưởng	 <hr style="width: 100%;"/> <b>Võ Văn Lãnh</b> Tổng Giám đốc
--	--	--

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **Năm 2013**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

#### **4. Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 376 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 382 nhân viên).

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do sự gia tăng của hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và hoạt động xây dựng.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20

tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Công ty tổ chức mô hình kế toán tập trung, toàn bộ chứng từ và số liệu của các Chi nhánh được tập trung và hạch toán tại Văn phòng Công ty nên tại các Chi nhánh không có báo cáo riêng.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 35
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

## 6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng quyền sử dụng đất tại mỏ đá Tân Đông Hiệp được khấu hao đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 để phù hợp với thời gian khai thác mỏ đá theo quy định. Tuy nhiên, trong năm 2012, Công ty đang làm hồ sơ xin gia hạn thời gian khai thác mỏ đến năm 2015.

### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

## 7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 8. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 24 tháng.

### *Chi phí thăm dò mỏ đá*

Các chi phí thăm dò mỏ đá đã phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 24 tháng.

### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà xưởng, showroom được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không vượt quá 24 tháng.

## 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### *Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá*

Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá được trích lập căn cứ vào báo cáo tác động môi trường dự án khai thác mở rộng và xuống sâu cụm mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp được phê duyệt lại xuống sâu đến coste -100m tại Quyết định số 725/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 05 năm

2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Theo quyết định này, tổng dự toán chi phí phục hồi môi trường tại mỏ 3-2 là 4.373.052.206 VND được trích trong 07 năm (2009-2015), với chi phí mỗi năm cần trích lập là 624.721.744 VND. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

#### ***Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá***

Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá được trích lập căn cứ Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ về Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo hướng dẫn này, tổng mức chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá Tân Đông Hiệp từ tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 tạm tính là 11.313.225.223VND, phân bổ theo sản lượng khai thác hàng năm. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

#### **10. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### **11. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### ***Chi phí bảo hành công trình xây lắp***

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 0,45% đối với công trình dân dụng và 0,19% đối với công trình hạ tầng kỹ thuật trên doanh thu lũy kế của các công trình xây lắp bàn giao trong năm. Chi phí này được hạch toán vào chi phí sản xuất chung và kết chuyển vào giá vốn trong năm.

## 12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## 13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty.
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban quản lý điều hành	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Mức trích lập được thực hiện theo Quyết định Đại hội cổ đông thường niên.

## 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.



Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **16. Tài sản tài chính**

### ***Phân loại tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### **17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **18. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	1.490.445.315	82.696.485
Tiền gửi ngân hàng	1.110.993.259	3.971.763.487
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	35.517.260.274	50.533.821.439
<b>Cộng</b>	<b>38.118.698.848</b>	<b>54.588.281.411</b>

Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng	34.800.000.000	-
Khoản tiền cho cá nhân vay	-	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>34.800.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

### 3. Phải thu khách hàng

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khách hàng chuyển quyền sử dụng đất	909.292.500	2.475.744.668
Các khách hàng thi công công trình	59.095.642.769	34.184.464.906
Các khách hàng mua đá	5.538.607.775	8.948.566.390

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khách hàng khác	13.928.376.390	12.057.007.122
<b>Cộng</b>	<b>79.471.919.434</b>	<b>57.665.783.086</b>

#### 4. Trả trước cho người bán

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các nhà cung cấp thi công công trình	965.427.319	125.051.409
Các nhà cung cấp khai thác đá	818.288.902	511.084.000
Các nhà cung cấp khác	403.925.000	794.500.095
<b>Cộng</b>	<b>2.187.641.221</b>	<b>1.430.635.504</b>

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải thu tiền công trình tạm tính	5.085.632.727	5.201.937.272
Các khoản phải thu khác	178.624.673	335.216.044
<b>Cộng</b>	<b>5.264.257.400</b>	<b>5.537.153.316</b>

#### 6. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.231.307.036	1.297.536.251
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	299.307.095	116.772.551
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	329.193.737	405.448.121
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	459.397.103	27.532.687
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	143.409.101	747.782.892
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.231.307.036</b>	<b>1.297.536.251</b>

#### Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	1.297.536.251	735.733.573
Trích lập dự phòng bổ sung	502.794.256	561.802.678
Xóa sổ nợ phải thu đã lập dự phòng	(569.023.471)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.231.307.036</b>	<b>1.297.536.251</b>



## 7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	11.454.618.576	11.818.850.015
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.879.110.487	8.057.207.504
Thành phẩm	8.882.641.568	6.406.155.131
Hàng hóa bất động sản	33.364.806.574	34.591.766.382
Hàng gửi đi bán	417.845.000	160.334.211
<b>Cộng</b>	<b>65.999.022.205</b>	<b>61.034.313.243</b>

## 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	76.792.018	16.763.483
Thành phẩm	76.218.243	8.653.317
<b>Cộng</b>	<b>153.010.261</b>	<b>25.416.800</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.416.800	82.246.498
Trích lập dự phòng bổ sung	127.593.461	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(56.829.698)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>153.010.261</b>	<b>25.416.800</b>

## 9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	11.082.124.707	12.573.844.804
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	1.910.466.339	2.003.899.138
<b>Cộng</b>	<b>12.992.591.046</b>	<b>14.577.743.942</b>

## 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	21.062.602.607	57.075.192.604	12.187.624.554	1.877.377.395	92.202.797.160
Mua sắm mới		352.972.727	1.450.000.000	93.641.818	1.896.614.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.183.268.750	1.363.902.092	5.048.231.818		7.595.402.660
Thanh lý, nhượng bán	-	(479.949.695)			(479.949.695)
Giảm khác (*)	(495.957.102)	(1.108.178.829)	-	(927.067.859)	(2.531.203.790)

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.749.914.255</b>	<b>57.203.938.899</b>	<b>18.685.856.372</b>	<b>1.043.951.354</b>	<b>98.683.660.880</b>

*Trong đó:*

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.419.999.628	15.953.533.899	5.680.495.687	402.109.536	23.456.138.750
---	---------------	----------------	---------------	-------------	----------------

#### **Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	6.001.844.392	34.971.100.533	8.442.550.336	1.304.348.706	50.719.843.967
Khấu hao trong năm	1.540.418.765	4.992.680.187	1.284.319.745	245.474.779	8.062.893.476
Thanh lý, nhượng bán	-	(387.504.491)	-	-	(387.504.491)
Giảm khác (*)	(361.668.551)	(634.433.494)	-	(778.941.699)	(1.775.043.744)

<b>Số cuối năm</b>	<b>7.180.594.606</b>	<b>38.941.842.735</b>	<b>9.726.870.081</b>	<b>770.881.786</b>	<b>56.620.189.208</b>
--------------------	----------------------	-----------------------	----------------------	--------------------	-----------------------

#### **Giá trị còn lại**

Số đầu năm	15.060.758.215	22.104.092.071	3.745.074.218	573.028.689	41.482.953.193
------------	----------------	----------------	---------------	-------------	----------------

<b>Số cuối năm</b>	<b>14.569.319.649</b>	<b>18.262.096.164</b>	<b>8.958.986.291</b>	<b>273.069.568</b>	<b>42.063.471.672</b>
--------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	--------------------	-----------------------

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(\*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

#### **11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	78.581.967.427	84.920.000	78.666.887.427
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	139.000.000	139.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>78.581.967.427</b>	<b>223.920.000</b>	<b>78.805.887.427</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.398.884.378	84.920.000	6.483.804.378
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	24.774.084.947	84.920.000	24.859.004.947
Khấu hao trong năm	5.007.919.276	11.583.334	5.019.502.610
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.782.004.223</b>	<b>96.503.334</b>	<b>29.878.507.557</b>



	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
--	-------------------	-------------------	------

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	53.807.882.480	-	53.807.882.480
------------	----------------	---	----------------

<b>Số cuối năm</b>	<b>48.799.963.204</b>	<b>127.416.666</b>	<b>48.927.379.870</b>
--------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 36.541.395.723 VND và 31.020.778.760 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào giá vốn và chi phí trong năm	Số cuối năm
Xưởng sản xuất bê tông Long Nguyên	830.209.959	462.771.337	(1.183.268.750)	(109.712.546)	-
Nâng cấp máy nghiền sàng đá số 1	-	1.095.000.000	(1.095.000.000)	-	-
Xe tải, xe đầu kéo, rơ moóc	-	4.290.413.636	(4.290.413.636)	-	-
Các công trình khác	303.503.018	1.161.121.235	(1.165.720.274)	(122.769.718)	176.134.261
<b>Cộng</b>	<b>1.133.712.977</b>	<b>7.009.306.208</b>	<b>(7.734.402.660)</b>	<b>(232.482.264)</b>	<b>176.134.261</b>

**13. Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng tổng hợp Bình Dương với số lượng cổ phiếu nắm giữ là 18.098, chiếm tỷ lệ 3,52% vốn điều lệ.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.818.972.766	1.376.503.572	(2.017.369.275)	1.178.107.063
Hàng rào bảo vệ KDC Nguyễn Văn Tiết	34.090.508		(34.090.508)	-
Nhà xe, nhà kho Xí nghiệp xây lắp	119.175.657		(90.916.806)	28.258.851
Chi phí làm nhà kho	109.191.362		(109.191.362)	-

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí cải tạo Showroom	87.339.566		(87.339.566)	-
Chi phí sửa chữa xe máy	51.210.000		(25.605.000)	25.605.000
Chi phí thăm dò mỏ đá	146.615.142		(146.615.142)	-
Chi phí nhà tạm công nhân	-	109.712.546	(41.142.204)	68.570.342
<b>Cộng</b>	<b>2.366.595.001</b>	<b>1.486.216.118</b>	<b>(2.552.269.863)</b>	<b>1.300.541.256</b>

#### 15. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay dài hạn Văn phòng tinh ủy Bình Dương để đầu tư khu nhà xưởng bê tông ly tâm Long Nguyên tại Bến Cát. Đây là khoản vay tín chấp theo Hợp đồng số 01/HĐ/VV ngày 15 tháng 02 năm 2011. Khoản vay được kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả do đến hạn thanh toán ngày 15 tháng 02 năm 2014.

#### 16. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp thi công công trình	7.654.134.339	5.815.769.684
Các nhà cung cấp khai thác đá	6.686.204.863	12.535.155.949
Các nhà cung cấp khác	2.247.606.482	1.520.280.603
<b>Cộng</b>	<b>16.587.945.684</b>	<b>19.871.206.236</b>

#### 17. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng thi công công trình	752.164.000	1.897.637.000
Các khách hàng mua đá	1.254.005.277	750.628.437
Các khách hàng khác	1.883.311.667	503.300.289
<b>Cộng</b>	<b>3.889.480.944</b>	<b>3.151.565.726</b>

#### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.659.650.794	17.593.971.965	(15.953.470.564)	3.300.152.195
Thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	16.527.729.097	22.576.607.957	(24.075.617.171)	15.028.719.883
Thuế thu nhập cá nhân	309.339.570	1.628.028.780	(1.409.020.472)	528.347.878
Thuế tài nguyên	3.234.881.827	8.627.440.442	(8.399.784.427)	3.462.537.842
Các loại thuế khác	-	33.259.925	(33.259.925)	-





	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	194.337.315	2.402.980.947	(2.336.525.397)	260.792.865
<b>Cộng</b>	<b>21.925.938.603</b>	<b>52.862.290.016</b>	<b>(52.207.677.956)</b>	<b>22.580.550.663</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm cả khoản điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước với số tiền là 47.888.074 VND.

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% cho tất cả các hoạt động.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	89.146.541.832	57.073.929.303
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.487.092.861	2.531.230.359
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.518.755.163)	(2.148.164.971)
Thu nhập chịu thuế	90.114.879.530	57.456.994.691
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>22.528.719.883</b>	<b>14.364.248.673</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b>-</b>	<b>(385.136.927)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>22.528.719.883</b>	<b>13.979.111.746</b>

#### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá theo giá bán bình quân sản phẩm đá học hàng tháng (tối thiểu là 110.000 VND/m<sup>3</sup>), thuế suất là 6%.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

### **19. Phải trả người lao động**

Tiền lương, tiền phép năm, tiền ăn giữa ca và phụ cấp đêm phải trả cho người lao động.

## 20. Chi phí phải trả

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công trình xây dựng	4.168.341.987	1.543.400.548
Chi phí lãi vay	483.934.000	289.333.333
Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	3.123.608.720	-
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá	9.050.580.177	-
Chi phí khác	293.687.985	76.287.942
<b>Cộng</b>	<b>17.120.152.869</b>	<b>1.909.021.823</b>

## 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	54.663.251	133.221.338
Các đội thi công và nhà thầu phụ	3.663.309.163	2.775.296.511
Thù lao Hội đồng quản trị	1.513.750.000	760.799.450
Phải trả tiền bồi thường hộ dân khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	285.643.450	285.643.450
Cổ tức phải trả	13.723.155	13.451.713.155
Tiền công trình tạm tính	-	151.478.500
Các khoản phải trả khác	897.045.482	809.032.733
<b>Cộng</b>	<b>6.428.134.501</b>	<b>18.367.185.137</b>

## 22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<b>Bảo hành công trình xây lắp</b>	<b>Phục hồi môi trường mỏ đá</b>	<b>Tổng dự phòng</b>
Số đầu năm	932.596.648	1.048.145.040	1.980.741.688
Tăng do trích lập trong năm	422.751.628	196.527.195	619.278.823
Sử dụng trong năm	(327.849.588)	-	(327.849.588)
Hoàn nhập	(117.230.760)	-	(117.230.760)
Kết chuyển trong năm	-	(1.244.672.235)	(1.244.672.235)
<b>Số cuối năm</b>	<b>910.267.928</b>	<b>-</b>	<b>910.267.928</b>

## 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Chi quỹ trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Quỹ khen thưởng	3.386.236.246	1.077.370.438	(980.318.000)	3.483.288.684
Quỹ phúc lợi	3.397.613.045	1.077.370.439	(2.217.142.171)	2.257.841.313
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	94.919.968	861.896.351	(956.816.319)	-



	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
<b>Cộng</b>	<b>6.878.769.259</b>	<b>3.016.637.228</b>	<b>(4.154.276.490)</b>	<b>5.741.129.997</b>

#### 24. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	112.000.000.000	0	3.710.745.599	43.815.047.574	170.799.115.902
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	43.094.817.557	43.094.817.557
Trích lập các quỹ trong năm	-	10.702.042.300	2.675.513.875	(17.123.274.280)	(3.745.718.105)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>21.975.365.029</b>	<b>6.386.259.474</b>	<b>42.906.590.851</b>	<b>183.268.215.354</b>
Số dư đầu năm nay	112.000.000.000	0	6.386.259.474	42.906.590.851	183.268.215.354
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	66.617.821.949	66.617.821.949
Trích lập các quỹ trong năm	-	8.618.963.511	2.154.740.877	(13.790.341.616)	(3.016.637.228)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>112.000.000.000</b>	<b>30.594.328.540</b>	<b>8.541.000.351</b>	<b>68.854.071.184</b>	<b>219.989.400.075</b>

#### **Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	26.878.590.000	21.278.149.525
Tạm ứng cổ tức	13.439.400.000	-

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Cộng</b>	<b>40.317.990.000</b>	<b>21.278.149.525</b>

### **Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.200.000	11.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.200.000	11.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.200.000</i>	<i>11.200.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.200.000	11.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.200.000</i>	<i>11.200.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng doanh thu	427.551.359.291	333.154.184.768
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	<i>20.413.976.922</i>	<i>17.140.827.460</i>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>245.584.098.490</i>	<i>224.590.355.130</i>
- <i>Doanh thu xây dựng</i>	<i>133.761.140.986</i>	<i>77.598.164.207</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.468.624.182</i>	<i>5.010.490.997</i>
- <i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>3.288.094.984</i>	<i>1.987.301.995</i>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>20.035.423.727</i>	<i>6.827.044.979</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	<i>(16.633.810)</i>	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>427.534.725.481</b>	<b>333.154.184.768</b>

*Trong đó:*

- <i>Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu</i>	<i>20.413.976.922</i>	-
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	<i>245.567.464.680</i>	<i>17.140.827.460</i>
- <i>Doanh thu thuần xây dựng</i>	<i>133.761.140.986</i>	<i>224.590.355.130</i>
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>4.468.624.182</i>	<i>77.598.164.207</i>

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	3.288.094.984	5.010.490.997
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	20.035.423.727	1.987.301.995

## 2. Giá vốn hàng bán

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán nguyên vật liệu	19.611.134.768	16.627.130.812
Giá vốn bán thành phẩm	157.645.982.535	156.991.293.620
Giá vốn xây dựng	110.419.557.155	71.130.300.947
Giá vốn dịch vụ	4.616.846.659	4.860.582.184
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.013.795.808	1.277.841.197
Giá vốn hàng hóa	19.221.271.298	6.679.388.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	127.593.461	(56.829.698)
<b>Cộng</b>	<b>313.656.181.684</b>	<b>257.509.707.619</b>

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.092.070.831	2.683.735.131
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	17.709.500	15.757.418
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.529.775	27.469.442
<b>Cộng</b>	<b>3.135.310.106</b>	<b>2.726.961.991</b>

## 4. Chi phí bán hàng

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	141.801.220	-
Chi phí vận chuyển hàng bán	4.923.079.205	5.094.778.910
Chi phí khác	9.201.379	-
<b>Cộng</b>	<b>5.074.081.804</b>	<b>5.094.778.910</b>

## 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	9.168.975.372	8.390.547.245
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	253.886.614	199.997.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.063.001	1.140.422.487
Thuế, phí và lệ phí	11.084.176	11.084.176
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	502.794.256	561.802.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	901.994.976	836.787.683
Chi phí khác	1.682.802.429	1.717.049.732
<b>Cộng</b>	<b>13.654.600.824</b>	<b>12.857.691.892</b>

## 6. Thu nhập khác

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lệ phí chuyển nhượng nền	59.090.909	136.818.182
Phạt nhân viên vi phạm hành chính	55.568.026	44.797.344
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	36.639.772	5.026.000
Hoàn nhập bảo hành công trình	117.230.760	-
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	55.726.275	18.454.545
Thu nhập khác	736.752.594	402.190.389
<b>Cộng</b>	<b>1.061.008.336</b>	<b>607.286.460</b>

#### 7. Chi phí khác

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Phạt vi phạm hành chính	535.548.721	81.694.563
Phạt vi phạm hợp đồng	337.986.255	151.478.500
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	92.445.204	1.000.000
Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá bổ sung các năm trước	5.730.872.752	-
Chi phí khác	383.115.515	44.097.684
<b>Cộng</b>	<b>7.079.968.447</b>	<b>278.270.747</b>

#### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.617.821.949	43.094.817.557
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.617.821.949	43.094.817.557
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.200.000	11.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.948</b>	<b>3.848</b>

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.908.594.134	96.801.355.952
Chi phí nhân công	42.647.579.267	41.579.197.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.082.396.086	12.473.630.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.174.149.013	79.132.738.336
Chi phí khác	33.761.345.298	19.256.550.433
<b>Cộng</b>	<b>301.574.063.798</b>	<b>249.243.472.770</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản chưa thanh toán	-	803.407.434
Lãi vay phải trả	483.934.000	289.333.333

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương	1.323.460.000	1.330.748.148
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	46.985.440	41.717.290
Khác	1.601.914.351	1.677.284.000
<b>Cộng</b>	<b>2.972.359.791</b>	<b>3.049.749.438</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương	Cơ quan chủ quản của Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH một thành viên
Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương - TNHH một thành viên	Cổ đông giữ 51% cổ phần - trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương

Trong năm, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b><i>Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương</i></b>		
Lãi vay phải trả	3.119.669.332	3.604.222.220
Cổ tức	-	3.998.400.000

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý tài sản giữ hộ cổ phần hóa	40.631.818	-
<b>Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH một thành viên</b>		
Doanh thu xây dựng	964.916.000	3.721.973.000
Cổ tức được chia	13.708.800.000	13.708.800.000
Thu tiền bán lô nền khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	-	1.353.040.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH một thành viên</b>		
Phải thu tiền thi công công trình	-	1.419.649.000
<b>Cộng phải thu</b>	<b>-</b>	<b>1.419.649.000</b>

#### **Văn phòng tỉnh ủy Bình Dương**

Vay	28.000.000.000	28.000.000.000
Lãi vay	483.934.000	289.333.333

#### **Tổng Công ty sản xuất - xuất nhập khẩu Bình Dương – TNHH một thành viên**

Cổ tức phải trả	-	6.854.400.000
<b>Cộng phải trả</b>	<b>28.483.934.000</b>	<b>35.143.733.333</b>

## **2. Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động xây dựng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động sản xuất (nguyên vật liệu: bán đầu DO và thành phẩm: đá, cống, gạch...).
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (bán hàng hóa, bất động sản và dịch vụ cho thuê ca máy,...)



Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.761.140.986	265.981.441.602	27.792.142.893	427.534.725.481
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>133.761.140.986</b>	<b>265.981.441.602</b>	<b>27.792.142.893</b>	<b>427.534.725.481</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23.341.583.831	88.724.324.299	1.812.635.667	113.878.543.797
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(18.728.682.628)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				95.149.861.169
Doanh thu hoạt động tài chính				3.135.310.106
Chi phí tài chính				(3.119.669.332)
Thu nhập khác				1.061.008.336
Chi phí khác				(7.079.968.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(22.528.719.883)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>66.617.821.949</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>141.019.181</b>	<b>8.184.045.117</b>	<b>1.310.912.527</b>	<b>9.635.976.825</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>728.849.141</b>	<b>12.058.018.795</b>	<b>2.847.798.013</b>	<b>15.634.665.949</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.598.164.207	241.731.182.590	13.824.837.971	333.154.184.768

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>77.598.164.207</b>	<b>241.731.182.590</b>	<b>13.824.837.971</b>	<b>333.154.184.768</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.487.973.185	68.149.477.931	1.007.026.033	75.644.477.149
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(17.952.470.802)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				57.692.006.347
Doanh thu hoạt động tài chính				2.726.961.991
Chi phí tài chính				(3.674.054.748)
Thu nhập khác				607.286.460
Chi phí khác				(278.270.747)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.979.111.746)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>43.094.817.557</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>39.151.942</b>	<b>3.010.062.395</b>	<b>1.861.150.885</b>	<b>4.910.365.222</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>797.004.066</b>	<b>11.057.714.86</b>	<b>4</b>	<b>2.794.023.491</b>

### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Quản lý rủi ro tài chính**

#### **Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng

### **Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### **Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.118.698.848	-	-	-	38.118.698.848
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.800.000.000	-	-	-	34.800.000.000
Phải thu khách hàng	77.016.150.967	-	2.455.768.467	-	79.471.919.434
Các khoản phải thu khác	7.174.723.739	-	-	-	7.174.723.739
Tài sản tài chính sẵn sàng	200.887.800	-	-	-	200.887.800

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
để bán					
<b>Cộng</b>	<b>157.310.461.354</b>	<b>-</b>	<b>2.455.768.467</b>	<b>-</b>	<b>159.766.229.821</b>

### Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	54.588.281.411	-	-	-	54.588.281.411
Phải thu khách hàng	55.339.747.972	-	2.326.035.114	-	57.665.783.086
Các khoản cho vay	100.000.000	-	-	-	100.000.000
Các khoản phải thu khác	7.541.052.454	-	-	-	7.541.052.454
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	200.887.800	-	-	-	200.887.800
<b>Cộng</b>	<b>117.769.969.637</b>	<b>-</b>	<b>2.326.035.114</b>	<b>-</b>	<b>120.096.004.751</b>

### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán (bao gồm gốc và lãi) theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 01 năm trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	28.476.000.000	-	-	28.476.000.000
Phải trả người bán	16.587.945.684	-	-	16.587.945.684



	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Các khoản phải trả khác	24.403.892.047	-	-	24.403.892.047
<b>Cộng</b>	<b>69.467.837.73</b>			<b>69.467.837.73</b>
	<b>1</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1</b>

#### Số đầu năm

Vay và nợ	-	32.155.666.667	-	32.155.666.667
Phải trả người bán	19.871.206.236	-	-	19.871.206.236
Các khoản phải trả khác	22.256.948.648	-	-	22.256.948.648
<b>Cộng</b>	<b>42.128.154.88</b>	<b>32.155.666.66</b>	<b>-</b>	<b>74.283.821.55</b>
	<b>4</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	<b>1</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa /nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.517.260.274	50.533.821.439

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.800.000.000	-
Vay và nợ	(28.000.000.000)	(28.000.000.000)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>42.317.260.274</b>	<b>22.533.821.439</b>

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

#### **Nguyên vật liệu**

#### **Rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### **Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>					
	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.118.698.848	-	54.588.281.411	-	38.118.698.848	54.588.281.411
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	34.800.000.000	-	-	-	34.800.000.000	-
Phải thu khách hàng	79.471.919.434	(1.231.307.036)	57.665.783.086	(1.297.536.251)	78.240.612.398	56.368.246.835
Các khoản cho vay	-	-	100.000.000	-	-	100.000.000
Các khoản phải thu khác	7.174.723.739	-	7.541.052.454	-	7.174.723.739	7.541.052.454
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	200.887.800	-	200.887.800	-	200.887.800	200.887.800
<b>Cộng</b>	<b>159.766.229.821</b>	<b>(1.231.307.036)</b>	<b>120.096.004.751</b>	<b>(1.297.536.251)</b>	<b>158.534.922.785</b>	<b>118.798.468.500</b>

##### **Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Phải trả người bán	16.587.945.684	19.871.206.236	16.587.945.684	19.871.206.236
Các khoản phải trả khác	24.403.892.047	22.256.948.648	24.403.892.047	22.256.948.648
<b>Cộng</b>	<b>68.991.837.73</b>	<b>70.128.154.88</b>	<b>68.991.837.73</b>	<b>70.128.154.8</b>
	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>84</b>





Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2014

 Nguyễn Xuân Hiếu Người lập biểu	 Trần Văn Bình Kế toán trưởng	  Võ Văn Lĩnh Tổng Giám đốc
---	--	--

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty**

  
  
 Võ Văn Lĩnh  
 Tổng Giám đốc

---

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3 – 2**  
**45A Nguyễn Văn Tiêt - Lái Thiêu - Thuận An - Bình Dương**  
**Phone: 0650.3759446      Fax: 0650.3755605**  
**Website: [cic32.com.vn](http://cic32.com.vn)**